



HƯỚNG DẪN CHỈ SỐ CSI 2021

CSI 2021 NAVIGATION BOOK





Bộ chỉ số CSI 2021



Giải thích chi tiết các chỉ số CSI



Phát triển bền vững - quy trình tuân thủ pháp luật

Phụ lục 1: *Hướng dẫn giải tham gia giải phụ về bình đẳng giới*

Phụ lục 2: *Hướng dẫn giải tham gia giải phụ doanh nghiệp kinh doanh có trách nhiệm về quyền trẻ em.*

Lưu ý của tác giả

- Có thể có những quan điểm khác nhau về tính tương thích, sự phù hợp của bộ chỉ số CSI cho một doanh nghiệp hay một ngành cụ thể nào đó tuy nhiên Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững CSI là bộ chỉ số được xây dựng nhằm cung cấp các thông tin cơ bản, kiến thức cơ sở chung cho doanh nghiệp của tất cả các ngành vì vậy Doanh nghiệp sẽ là chủ thể quyết định áp dụng bộ công cụ CSI cho doanh nghiệp của mình.
- Một số từ/thuật ngữ chuyên môn được nêu ở đây có thể có những khác biệt nhỏ về từ do tính chất khác biệt từ, ngữ vùng miền của Việt Nam nhưng về mặt bản chất nội dung của chỉ số là như nhau.

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CSI	Bộ chỉ số doanh nghiệp phát triển bền vững
PTBV	Phát triển bền vững
VBCSD	Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam
VCCI	Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam
SDGs	Các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu
VSDGs	Các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam
FDI	Công ty có vốn đầu tư nước ngoài
TNHH	Công ty trách nhiệm hữu hạn
I	Chỉ số kết quả hoạt động sản xuất/kinh doanh
G	Chỉ số quản trị
E	Chỉ số môi trường
L&S	Chỉ số lao động và xã hội
M	Các chỉ số áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ
C	Chỉ số cơ bản
A	Chỉ số nâng cao
LĐ	Lao động
BHXH	Bảo hiểm xã hội
DN	Doanh nghiệp



BỘ CHỈ SỐ CSI 2021





TỔNG QUAN và PHẠM VI ÁP DỤNG BỘ CHỈ SỐ CSI 2021

Nhằm tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình và quy mô, kể cả doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tiếp cận Bộ chỉ số CSI và nộp hồ sơ tham gia ***Chương trình đánh giá các doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam 2021*** (sau đây gọi tắt là *Chương trình*), Bộ chỉ số CSI 2021 được rút gọn xuống còn 119 chỉ số với 03 cấp độ khác nhau (M, C, A) trong 04 phần riêng biệt

1. Cấu trúc bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững CSI 2021

Bộ chỉ số CSI 2021 được chia làm 4 phần chính bao gồm:

- **Phần I - Thông tin tổng quan của doanh nghiệp:** Trong phần này các thông tin cơ bản về doanh nghiệp như tên, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh.... được yêu cầu cung cấp đầy đủ. Từ các thông tin cơ bản này, DN có thể xác định các bên liên quan, đối tác cũng như các vấn đề trọng yếu được đầy đủ, chính xác trong quá trình xây dựng và điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh. **Điểm mới trong phần thông tin tổng quan là DN cần cung cấp thêm thông tin về quy mô DN nhằm xác định số các chỉ số tối thiểu của DN cần hoàn thành và áp dụng trong quản trị PTBV.**
- **Phần II - Kết quả thực hiện phát triển bền vững trong 3 năm (2018-2020):** Đây là một trong những điểm mới của bộ chỉ số 2020 và tiếp tục được duy trì trong năm 2021. Năm nay số lượng các chỉ số định lượng về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp gồm **12 chỉ số I** được chia làm 3 cấp độ: **chỉ số M, chỉ số C và chỉ số A**
- **Phần III – Các chỉ số quản trị doanh nghiệp (G):** Trong phần này DN được yêu cầu cung cấp các thông tin liên quan đến mô hình tổ chức, các chính sách quản lý, các tiêu chuẩn áp dụng... mà thông qua đó doanh nghiệp được kiểm soát và vận hành. Phần này bao gồm **22 chỉ số G**, được chia làm 3 cấp độ: **chỉ số M, chỉ số C và chỉ số A**
- **Phần IV – Các chỉ số môi trường (E):** Các chỉ số môi trường được cập nhật theo định hướng các quy định của luật cũng như cam kết thực hiện các hành động chung trên toàn thế giới để bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu, bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên. Phần này bao gồm **25 chỉ số E**, được chia làm 3 cấp độ: **chỉ số M, chỉ số C và chỉ số A**
- **Phần V- Các chỉ số lao động xã hội (L&S):** Các chỉ số về lao động-xã hội năm nay được cập nhật theo các điều khoản mới (hoặc được sửa đổi) trong Bộ luật Lao



động sửa đổi năm 2019 đồng thời căn cứ theo các cam kết của Việt Nam về lao động trong các cam kết thương mại song phương và đa phương (CTTPP, EVFTA...). Phần này bao gồm **54 chỉ số L, 6 chỉ số S**, được chia làm cấp độ **chỉ số M, chỉ số C và chỉ số A**

2. Phạm vi áp dụng Bộ chỉ số CSI 2021

Các chỉ số được chia ra làm 3 cấp độ khác nhau (**M, C, A**) nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các DN nhỏ/siêu nhỏ tham gia **Chương trình**. Bên cạnh đó, Bộ chỉ số CSI 2021 cũng giúp cho các DN nhỏ/siêu nhỏ áp dụng trong thực tiễn quản trị DN bền vững, từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Ở một khía cạnh khác, các DN vừa và lớn ngoài việc dễ dàng hơn trong việc tham gia **Chương trình** cũng có thể sử dụng CSI 2021 trong việc xây dựng năng lực cho các DN trong chuỗi cung ứng của mình. Chi tiết áp dụng như sau:

CHỈ SỐ CÓ KÝ HIỆU M: Chỉ số có ký hiệu M dành cho tất cả các loại hình DN. **Các DN nhỏ/siêu nhỏ cần phải thực hiện tối thiểu các chỉ số này.** Có tổng số 53 chỉ số có ký hiệu M, bao gồm 6 chỉ số định lượng (I); 5 chỉ số quản trị (G); 13 chỉ số môi trường (E); 29 chỉ số lao động và xã hội (L&S). Đây là những yêu cầu tối thiểu bắt buộc một DN cần phải thực hiện nhằm tuân thủ pháp luật cũng như quản trị các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình mà không phụ thuộc vào loại hình, quy mô của DN.

CHỈ SỐ CÓ KÝ HIỆU C: Chỉ số cơ bản. DN có quy mô vừa và lớn bên cạnh việc **hoàn thiện các chỉ số ký hiệu M** thì việc hoàn thiện các chỉ số ký hiệu C cũng là một trong những yêu cầu bắt buộc DN phải tuân thủ nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh theo pháp luật cũng như quản trị các rủi ro tiềm tàng. Các DN nhỏ/siêu nhỏ tùy theo tình hình thực tế sản xuất, kinh doanh có thể áp dụng thêm các chỉ số C.

CHỈ SỐ KÝ HIỆU A: Chỉ số nâng cao. DN quy mô vừa và lớn bên cạnh việc hoàn thiện các chỉ số **ký hiệu M và ký hiệu C** thì có thể thực hiện các **chỉ số có ký hiệu A**. Điều này có nghĩa ngoài việc tuân thủ pháp luật, DN đã và đang thực hiện xây dựng một hệ sinh thái kinh doanh lành mạnh nhằm đảm bảo các lợi ích lâu dài, bền vững cho các đối tác và các bên liên quan khác. Các DN nhỏ/siêu nhỏ tùy theo tình hình thực tế sản xuất, kinh doanh có thể áp dụng thêm các chỉ số A

3. Căn cứ xác định quy mô doanh nghiệp

Căn cứ theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/3/2018 tiêu chí để xác định quy mô doanh nghiệp theo như bảng sau:



Lĩnh vực	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xây dựng		Thương mại, dịch vụ	
DN siêu nhỏ	Có số LĐ tham gia BHXH bình quân năm không quá 10 người	Tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng	Có số LĐ tham gia BHXH bình quân năm không quá 10 người	Tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng
DN nhỏ	Có số LĐ tham gia BHXH bình quân năm không quá 100 người	Tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng	Có số LĐ tham gia BHXH bình quân năm không quá 50 người	Tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng
DN vừa	Có số LĐ tham gia BHXH bình quân năm không quá 200 người	Tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng	Có số LĐ tham gia BHXH bình quân năm không quá 100 người	Tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng

Ghi chú

- Số lao động tham gia BHXH là toàn bộ số LĐ do DN quản lý, sử dụng và trả lương trả công tham gia BHXH theo pháp luật về BHXH
- Số lao động tham gia BHXH bình quân năm được tính bằng tổng số lao động tham gia BHXH của năm chia cho số tháng trong năm và được xác định trên chứng từ nộp BHXH của năm trước liền kề mà DN nộp cho cơ quan BHXH

Cách xác định tổng nguồn vốn của doanh nghiệp

Tổng nguồn vốn được xác định trong bảng cân đối kế toán, thể hiện trong báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà DN nộp cho cơ quan quản lý thuế.

Cách xác định tổng doanh thu của doanh nghiệp

Tổng doanh thu của năm là tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp và được xác định trên báo cáo tài chính của năm trước liền kề mà doanh nghiệp nộp hồ sơ



Cách xác định lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp

- Lĩnh vực hoạt động của DN NVV được xác định căn cứ vào quy định của pháp luật về quản lý ngành kinh tế và quy định của pháp luật chuyên ngành
- Trường hợp hoạt động trong nhiều lĩnh vực, DN NVV được xác định vào lĩnh vực có doanh thu cao nhất
- Trường hợp không xác định được lĩnh vực có doanh thu cao nhất, DN NVV được xác định căn cứ vào lĩnh vực sử dụng nhiều lao động nhất

4. Một số điểm cần lưu ý:

- DN thực hiện chỉ số nào cần cung cấp hình ảnh, tài liệu hoặc các bằng chứng có liên quan tới việc thực hiện chỉ số đó.
- Những chỉ số trong phạm vi DN cần thực hiện mà không thực hiện/không có tài liệu thì không có điểm những chỉ số đó.
- DN ngoài việc thực hiện những chỉ số theo phân loại quy mô nếu thực hiện thêm các chỉ số khác sẽ được cộng thêm điểm.
- **Chương trình** đánh giá việc PTBV DN trong gian đoạn 2018-2020 (một số chỉ số yêu cầu hình ảnh, tài liệu cập nhật tới trước ngày nộp hồ sơ), vì vậy khi chuẩn bị hồ sơ DN cần cung cấp các hình ảnh, tài liệu trong giai đoạn này theo yêu cầu.

Doanh nghiệp tham gia thăm khảo các căn cứ và tiêu chí trên để xác định đúng về quy mô của doanh nghiệp của mình nhằm xác định được số lượng các chỉ số cần hoàn thiện trong quá trình tham gia Chương trình



BỘ CHỈ SỐ CSI 2021

PHẦN I - THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp			
Mã số thuế			
Loại hình doanh nghiệp (FDI, Cổ phần, TNHH...)			
Quy mô doanh nghiệp	☐ DN nhỏ- siêu nhỏ ☐ DN vừa – DN lớn		
Lĩnh vực hoạt động	☐ Sản xuất ☐ Thương mại – dịch vụ		
Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính			
Địa chỉ trụ sở chính			
Điện thoại		Fax	
Website		Email	
Năm thành lập			
Người đại diện pháp luật (Họ và tên)	Chức vụ	Điện thoại di động	Email
Đầu mối liên hệ của doanh nghiệp (Họ và tên)	Chức vụ	Điện thoại di động	Email
Công ty thành viên			
Tên-Địa chỉ		Điện thoại	Email



Chi nhánh/nhà máy					
Tên-Địa chỉ		Điện thoại		Email	
Sản phẩm/dịch vụ chính		Sản lượng năm 2020			
Nguyên vật liệu đầu vào chính (nếu có)	Khối lượng trung bình/năm			Tỷ lệ từ nhà cung cấp trong nước	Tỷ lệ nhập khẩu
	2018	2019	2020		
Các thị trường chính			Các bộ công cụ tiêu chuẩn áp dụng trong sản xuất, kinh doanh		
Trong nước (tỉnh/thành phố)	Nước ngoài	Chất lượng	Môi trường	Lao động – xã hội	
Sử dụng nhiên liệu hàng năm			2018	2019	2020
Điện (Kwh)					
Xăng (lit)					
Dầu (lit)					
Than (tấn)					
Nguồn nguyên, nhiên liệu khác (đề nghị ghi rõ)					
Thông tin kinh tế			2018	2019	2020
Vốn đăng ký kinh doanh, triệu VND					
Tổng số vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh đã thực hiện, triệu VND					
Tổng doanh thu, triệu VND					
Thông tin Lao động – Xã hội			2018	2019	2020



Tổng số lao động (người)			
Số lao động nữ			
Tổng số cán bộ quản lý cấp cao			
Số cán bộ lãnh đạo nữ là lãnh đạo cao cấp			
Số lao động vị thành niên (nếu có) - là lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi			

Lưu ý: Các chứng nhận/chứng chỉ được cung cấp bởi bên thứ 3 còn thời hạn trong lúc tham gia chương trình đề nghị doanh nghiệp thống kê, gửi bản sao cho ban tổ chức .



DOANH NGHIỆP CUNG CẤP SƠ ĐỒ TỔ CHỨC, CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CƠ CẤU QUẢN TRỊ, CÁCH THỨC QUẢN TRỊ VÀ PHƯƠNG THỨC RA CÁC QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ CỦA DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp nộp bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 3 năm. Trong trường hợp doanh nghiệp là tổng công ty (tập đoàn) mà các công ty thành viên hạch toán độc lập thì hồ sơ cần bao gồm cả các báo cáo tài chính của các công ty thành viên.



PHẦN II – KẾT QUẢ TRONG 3 NĂM

CHỈ SỐ			TÀI LIỆU KÈM THEO	KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
I 1	M	Lợi nhuận trước thuế (triệu VNĐ)		
I 2	C	Khả năng sinh lời trên vốn của doanh nghiệp (ROE)		
I 3	C	Khả năng sinh lời trên tài sản của doanh nghiệp (ROA)		
I 4	M	Đóng góp cho ngân sách (triệu VNĐ)		
I 5	A	Đóng góp cho xã hội thông qua các chương trình/sáng kiến về hỗ trợ nhân đạo/phát triển cộng đồng/bảo vệ môi trường....(triệu VNĐ, nếu có)		
I 6	M	Kim ngạch xuất khẩu (triệu VNĐ, nếu có)		
I 7	M	Kim ngạch nhập khẩu (triệu VNĐ, nếu có)		
I 8	M	Thu nhập bình quân lao động nam (triệu VNĐ)		
I 9	M	Thu nhập bình quân lao động nữ (triệu VNĐ)		
I 10	A	Tỷ lệ phần trăm các chất thải rắn thông thường, chất thải rắn công nghiệp được thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng (nếu có)		
I 11	A	Tỷ lệ phần trăm nước thải được thu gom, tuần hoàn, tái sử dụng (nếu có)		
I 12	A	Tiết kiệm các nguồn năng lượng tái tạo, không tái tạo giảm phát thải khí nhà kính (nếu có)		
Đối với các DN thực hiện việc ghi nhận các lượng phát thải khí nhà kính hàng năm đề nghị nộp báo cáo kèm theo (Các kết quả này sẽ được ban tổ chức Chương trình đánh giá và có thể được điểm thưởng trong quá trình đánh giá, xếp hạng DN)				



PHẦN III – CHỈ SỐ QUẢN TRỊ

CÁC CHỈ SỐ VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP			Tài liệu, hình ảnh đính kèm hồ sơ	QUẢN TRỊ
Kế hoạch/Chiến lược PTBV				
G1	M	Kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp có bao gồm các vấn đề môi trường, xã hội		
G2	A	Trong cơ cấu tổ chức doanh nghiệp có bộ phận/cán bộ phụ trách các vấn đề PTBV		
G3	A	Chiến lược kinh doanh được doanh nghiệp xây dựng dựa trên việc thực hiện các mục tiêu SDGs cụ thể.		
Quản trị rủi ro				
G4	C	Có chính sách quản trị rủi ro trong hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp		
G5	A	Xây dựng, thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức, phòng trừ, giảm nhẹ, tái phục hồi trong các trường hợp bất khả kháng trong kinh doanh		
Quản lý mua sắm, nhà cung cấp, chống độc quyền kinh doanh				
G6	C	Có chính sách/quy định các thủ tục mua sắm hàng hóa, dịch vụ		
G7	A	Xây dựng, thực hiện quy trình quản lý chuỗi cung ứng bền vững trong kinh doanh		
G8	A	Tham gia các chương trình/sáng kiến chống độc quyền trong sản xuất và kinh doanh		
Đảm bảo sự hài lòng của khách hàng				

G9	C	Có chính sách, kênh thông tin và thực hiện thu thập ý kiến, khảo sát, đánh giá sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm/dịch vụ để thực hiện các cải tiến		QUẢN TRỊ
G10	C	Xây dựng và thực hiện đúng quy trình xử lý khiếu nại, góp ý của khách hàng		
Chính sách, chương trình đặc thù				
G11	C	Có chính sách/chương trình quy hoạch, đào tạo, kèm cặp, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo nữ		
G12	A	Có chính sách đa dạng giới trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc		
G13	M	Có chính sách quy định sử dụng lao động trong độ tuổi từ 15 đến 18		
G14	M	Có chính sách điều khoản quy định về phòng chống quấy rối tình dục nơi công sở		
G15	A	Có chính sách/quy tắc ứng xử về phòng chống tham nhũng trong kinh doanh (<i>bao gồm cả các quy tắc tắc phòng chống lạm dụng quyền lực và tham nhũng trong nội bộ doanh nghiệp</i>)		
G16	C	Có chính sách/quy tắc ứng xử về phòng chống buôn bán, tiêu thụ, sử dụng động vật hoang dã và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã		
Truyền thông				
G17	M	Xây dựng các hình thức thực hiện công tác truyền thông tới các đối tác và các bên liên quan		
G18	A	Thực hiện lập và công bố báo cáo thường niên có tích hợp các thông tin phi tài chính (<i>các thông tin về môi trường, lao động - xã hội</i>)/ báo cáo PTBV		

Nghiên cứu và phát triển				QUẢN TRỊ
G19	A	Có bộ phận nghiên cứu và phát triển chuyên trách trong cơ cấu tổ chức		
G20	M	Có các chương trình/hoạt động xúc tiến thương mại để phát triển thị trường mới		
Sáng kiến cải thiện, nâng cao hệ thống quản trị				
G21	A	Có quy trình và thực hiện đánh giá năng lực cán bộ (<i>quản lý từ cấp trung trở lên</i>) thường niên		
G22	A	Thực hiện việc cải thiện hệ thống/quy trình quản trị khi có các ý kiến đóng góp thiết thực		

PHẦN IV – CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG

E - CÁC CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG			Tài liệu, hình ảnh đính kèm hồ sơ
Tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường			
E1	M	Đầy đủ các giấy phép bảo vệ môi trường (<i>còn hiệu lực</i>) của cơ quan chức năng	
E2	M	Chi trả các loại thuế/phí/lệ phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật	
E3	M	Báo cáo đúng, đầy đủ, và kịp thời công tác bảo vệ môi trường của doanh nghiệp tới các cơ quan chức năng	
E4	M	Thực hiện bảo vệ môi trường trong xuất, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, phế liệu đã qua sử dụng	
E5	A	Thực hiện các chương trình/biên pháp thu gom sản phẩm /vật liệu đóng gói sản phẩm sau khi sản phẩm/vật liệu đóng gói sản phẩm bị thải bỏ	
SỬ DỤNG TIẾT KIỆM TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, QUẢN LÝ THẢI HƯỚNG TỚI KINH TẾ TUẦN HOÀN			
E6	C	Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bền vững các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng, biển và hệ sinh thái tự nhiên	
E7	M	Sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm chất thải, phát thải	
E8	A	Thực hiện tái sử dụng/tái chế các nguyên liệu sản xuất thừa/không đạt yêu cầu ở quá trình sản xuất chính	

MÔI TRƯỜNG



E9	M	Thực hiện theo dõi giám sát, quản lý chi phí năng lượng trong sản xuất kinh doanh	
E10	M	Thực hiện các biện pháp sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất kinh doanh	
E11	A	Thực hiện các sáng kiến thay thế nhiên liệu hóa thạch, sử dụng năng lượng tái tạo cho sản xuất kinh doanh	
E12	A	Có các sáng kiến và thực hiện việc tuần hoàn tái sử dụng nước thải	
E13	A	Đầu tư công nghệ hiện đại nhằm lưu trữ, thương mại hóa khí nhà kính	
E14	A	Doanh nghiệp có chương trình/sáng kiến hợp tác để tái chế/tái sử dụng phế thải	
Bảo vệ môi trường, phòng ngừa ô nhiễm, khắc phục sự cố và cải thiện môi trường			
E15	M	Có các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung, mùi khó chịu, ...đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận	
E16	M	Có giải pháp giảm thiểu chất thải rắn, thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn trong sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh	
E17	M	Xây dựng và thực hiện đúng quy định, quy trình về thu gom, vận chuyển chất thải rắn trong công nghiệp và chất thải rắn nguy hại	
E18	C	Có hoạt động kiểm soát, giám sát, quan trắc môi trường nước thải, khí thải, bụi theo đúng quy định	
E19	M	Có đủ trang thiết bị, dụng cụ phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	
E20	A	Không sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, bao bì,	

MÔI TRƯỜNG

		thiết bị có chứa chất ô nhiễm, khó phân hủy	
E21	M	Doanh nghiệp có biện pháp quản lý, sử dụng, lưu trữ an toàn hóa chất trong sản xuất kinh doanh	
Quản lý, giáo dục, truyền thông về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp			
E22	C	Bố trí nhân sự phụ trách công tác bảo vệ môi trường, có trang thiết bị, kinh phí cho bảo vệ môi trường	
E23	M	Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên và người lao động về bảo vệ môi trường	
E24	A	Tham vấn ý kiến cộng đồng về tác động môi trường của doanh nghiệp, công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp	
E25	A	Có các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường, khắc phục thảm họa thiên tai, sự cố môi trường	

Các chương trình/sáng kiến nổi bật của doanh nghiệp trong kỳ đánh giá về lĩnh vực môi trường (*nếu có*) đề nghị mô tả tóm tắt về mục tiêu, kết quả đạt được đồng thời gửi kèm các tư liệu chứng thực về chương trình/sáng kiến này

PHẦN V – CHỈ SỐ LAO ĐỘNG-XÃ HỘI

S&L – CHỈ SỐ VỀ LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI			Tài liệu, hình ảnh đính kèm hồ sơ
Lao động, việc làm và quản trị nhân sự			
L1	M	Tuân thủ các quy định về giao kết hợp đồng lao động và chấm dứt hợp đồng hợp pháp	
L2	M	Tuân thủ các quy định về thử việc	
L3	M	Xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động	
L4	M	Tuân thủ quy định về xử lý kỷ luật lao động	
L5	M	Lập sổ quản lý lao động và định kỳ báo cáo sử dụng lao động	
Lương, phụ cấp, trợ cấp			
L6	C	Xây dựng và công khai hệ thống định mức lao động, thang bảng lương cho người lao động	
L7	C	Xây dựng quy chế trả lương cho người lao động	
L8	C	Thực hiện đánh giá nâng lương, nâng bậc, phụ cấp, trợ cấp hàng năm cho người lao động	
L9	M	Chi trả tiền lương, tiền công đầy đủ và đúng hạn	
L10	A	Thực hiện các hình thức khen thưởng các chế độ khuyến khích người lao động	
L11	M	Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đúng mức quy định (đóng theo tiền lương thực lĩnh)	
L12	M	Chi trả trợ cấp ngừng việc, thôi việc theo đúng quy định	

LAO ĐỘNG-XÃ HỘI

Các chế độ phúc lợi			
L13	A	Có chế độ bảo hiểm tự nguyện cho người lao động	
L14	A	Xây dựng ký túc xá hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho người lao động	
L15	A	Hỗ trợ tiền/phương tiện đi làm việc, tiền ăn trưa, tiền may quần áo... cho người lao động	
L16	A	Có các chế độ cho con của người lao động (xây dựng nhà trẻ, hỗ trợ kinh phí nuôi con, gửi trẻ, quà tặng thành tích học tập...)	
L17	C	Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động	
L18	C	Có chế độ thăm quan nghỉ ngơi thường niên cho người lao động	
Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi			
L19	M	Tuân thủ về thời gian làm việc, thời giờ nghỉ ngơi cho người lao động	
L20	M	Tuân thủ việc trả lương thêm giờ, làm ca đêm và làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ cho người lao động	
Sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm.			
L21	M	Khám sức khỏe định kỳ cho đủ số người lao động	
L22	A	Thực hiện khám chuyên khoa cho người lao động	
L23	C	Bố trí bộ phận, cán bộ làm công tác y tế (chuyên trách/bán chuyên trách) hoặc có hợp đồng chăm sóc sức khỏe với cơ sở y tế	
L24	M	Bố trí số lượng nhà vệ sinh phù hợp theo giới	
L25	A	Kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm bếp ăn cho người lao động	
L26	M	Ban hành quy định, quy trình đảm bảo an toàn vệ sinh lao động	
L27	C	Bố trí bộ phận, cán bộ làm công tác an toàn lao động	

L28	M	Thực hiện việc kiểm định theo định kỳ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	
L29	M	Xây dựng và thực hiện quy trình vận hành máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn	
L30	M	Thường xuyên đánh giá rủi ro, có biện pháp kiểm soát rủi ro mất an toàn tại nơi làm việc	
L31	M	Có phương án/quy trình xử lý sự cố mất an toàn, nguy hiểm tại nơi làm việc	
L32	M	Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động	
L33	M	Thống kê, phân loại lao động thực hiện các công việc nặng nhọc, độc hại, lao động có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	
L34	M	Thực hiện huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động cho người lao động và sử dụng lao động	
L35	M	Thực hiện quan trắc môi trường lao động hằng năm	
Giáo dục, đào tạo			
L36	M	Thực hiện đào tạo nghề, tập nghề cho người lao động mới được tuyển dụng	
L37	C	Thực hiện đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp của người lao động	
L38	C	Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp và kỹ năng nghề cho người lao động nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng các chỉ tiêu chiến lược trong môi trường luôn thay đổi	
Công đoàn, thỏa ước lao động tập thể			
L39	C	Thành lập tổ chức công đoàn cơ sở hoặc tổ chức đại diện người lao động	
L40	C	Tổ chức thương lượng tập thể theo đúng quy định	

L41	C	Nội dung của thỏa ước lao động tập thể không trái với quy định của pháp luật và có lợi hơn cho người lao động	
Thực hiện quy chế dân chủ tại nơi làm việc, trao đổi và xử lý thông tin, giải quyết tranh chấp lao động			
L42	C	Xây dựng và công khai quy chế dân chủ tại nơi làm việc	
L43	C	Tổ chức đối thoại tại nơi làm việc	
L44	C	Tổ chức hội nghị người lao động thường niên	
L45	A	Định kỳ đánh giá sự hài lòng của người lao động đối với chính sách và hoạt động của doanh nghiệp	
L46	M	Xây dựng và thực hiện cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả trong doanh nghiệp	
L47	C	Giải quyết tranh chấp lao động theo đúng trình tự pháp luật quy định	
Lao động nữ, lao động đặc thù, không phân biệt đối xử, không cưỡng bức lao động.			
L48	C	Tuân thủ quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới	
L49	M	Tuân thủ quy định đối với lao động chưa thành niên	
L50	A	Sử dụng người lao động cao tuổi phù hợp với sức khỏe, đảm bảo quyền lao động và hiệu quả nguồn nhân lực	
L51	A	Tạo việc làm, nhận người lao động là người khuyết tật, lao động thuộc diện chính sách, lao động địa phương và lao động dân tộc thiểu số...	
L52	A	Tạo điều kiện cho sinh viên thực tập tại doanh nghiệp	
L53	M	Không phân biệt đối xử (vùng miền, giới tính, tôn giáo, tuổi tác, lối sống HIV/AIDS...)	
L54	M	Không cưỡng bức lao động thông qua các hình thức như giữ giấy tờ tùy thân, bằng cấp, đặt cọc, đe dọa sa thải, làm thêm giờ mà không được sự đồng ý của người lao động...	

Quan hệ với khách hàng, cộng đồng và xã hội.			
S1	M	Tuân thủ các yêu cầu về tiếp thị và nhãn hiệu sản phẩm/dịch vụ	
S2	M	Kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm/dịch vụ nhằm đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người tiêu dùng, đặc biệt là trẻ em	
S3	M	Thực hiện quyền bảo mật thông tin của khách hàng trong quá trình thu thập, lưu trữ, xử lý và sử dụng	
S4	A	Thực hiện các sáng kiến/chương trình cứu trợ đồng bào tại các khu vực bị thiên tai, dịch bệnh	
S5	A	Tham gia các chương trình/hoạt động hỗ trợ, phát triển cộng đồng địa phương; hỗ trợ các mô hình kinh doanh cùng người người có thu nhập thấp	
S6	A	Tham gia các sáng kiến cải thiện môi trường kinh doanh	

LAO ĐỘNG-XÃ HỘI

Các chương trình/sáng kiến nổi bật của doanh nghiệp trong kỳ đánh giá về lĩnh Lao động và Xã hội (nếu có) đề nghị mô tả tóm tắt về mục tiêu, kết quả đạt được đồng thời gửi kèm các tư liệu chứng thực về chương trình/sáng kiến này

GIẢI THÍCH / KHÁI NIỆM CÁC CHỈ SỐ



HỒ SƠ DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp trước khi điền thông tin theo yêu cầu đề nghị đọc kỹ nội dung để hiểu rõ chính xác các thông tin cần thu thập được ở đâu và phòng, ban/bộ phận nào chịu trách nhiệm cung cấp các thông tin cơ bản này

THÔNG TIN TỔNG QUAN DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp			
Mã số thuế			
Loại hình doanh nghiệp (FDI, Cổ phần, TNHH...)			
Quy mô doanh nghiệp	☐ DN Nhỏ- siêu nhỏ ☐ DN Vừa – DN lớn		
Lĩnh vực hoạt động	☐ Sản xuất ☐ Thương mại – dịch vụ		
Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính			
Địa chỉ trụ sở chính			
Điện thoại		Fax	
Website		Email	
Năm thành lập			
Người đại diện pháp luật	Chức vụ	Điện thoại di động	Email
Họ và tên			
Đầu mối liên hệ của doanh nghiệp	Chức vụ	Điện thoại di động	Email
Họ và tên			



Công ty thành viên					
Tên-Địa chỉ		Điện thoại		Email	
Chi nhánh/nhà máy					
Tên-Địa chỉ		Điện thoại		Email	
Sản phẩm/dịch vụ chính		Sản lượng năm 2020			
Nguyên vật liệu đầu vào chính (nếu có)	Khối lượng trung bình/năm			Tỷ lệ từ nhà cung cấp trong nước	Tỷ lệ nhập khẩu
	2018	2019	2020		
Các thị trường chính			Các bộ công cụ tiêu chuẩn áp dụng trong sản xuất kinh doanh		
Trong nước (tỉnh/thành phố)	Nước ngoài	Chất lượng		Môi trường	Lao động – xã hội
Sử dụng nhiên liệu hàng năm			2018	2019	2020
Điện (Kwh)					
Xăng (lit)					
Dầu (lit)					
Than (tấn)					
Nguyên nguyên, nhiên liệu khác (đề nghị ghi rõ)					
Thông tin kinh tế			2018	2019	2020
Vốn đăng ký kinh doanh, triệu VND					
Tổng số vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh đã thực hiện,					



triệu VNĐ			
Tổng doanh thu, triệu VNĐ			
Thông tin Lao động – Xã hội	2018	2019	2020
Tổng số lao động			
Số lao động nữ			
Tổng số cán bộ quản lý cấp cao			
Số cán bộ lãnh đạo nữ là lãnh đạo cao cấp			
Số lao động vị thành niên (nếu có) - là lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi			
Lưu ý: Các chứng nhận/chứng chỉ được cung cấp bởi bên thứ 3 còn thời hạn trong lúc tham gia chương trình đề nghị doanh nghiệp thống kê, gửi bản sao cho ban tổ chức			



DOANH NGHIỆP CUNG CẤP SƠ ĐỒ TỔ CHỨC, CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CƠ CẤU QUẢN TRỊ, CÁCH THỨC QUẢN TRỊ VÀ PHƯƠNG THỨC RA CÁC QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ CỦA DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp nộp bản sao báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 3 năm. Trong trường hợp doanh nghiệp là tổng công ty (tập đoàn) mà các công ty thành viên hạch toán độc lập thì hồ sơ cần bao gồm cả các báo cáo tài chính của các công ty thành viên.



KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRONG 3 NĂM 2018-2020



I 1	M	Lợi nhuận trước thuế (triệu VNĐ)
I 2	C	Khả năng sinh lời trên vốn của doanh nghiệp (ROE)
I 3	C	Khả năng sinh lời trên tài sản của doanh nghiệp (ROA)
I 4	M	Đóng góp cho ngân sách (triệu VNĐ)
I 5	C	Đóng góp cho xã hội thông qua các chương trình/sáng kiến về hỗ trợ nhân đạo/phát triển cộng đồng/bảo vệ môi trường.... (triệu VNĐ, nếu có)
I 6	M	Kinh ngạch xuất khẩu (triệu VNĐ – nếu có)
I 7	M	Kim ngạch nhập khẩu (triệu VNĐ -nếu có)
I 8	M	Thu nhập bình quân lao động nam (triệu VNĐ)
I 9	M	Thu nhập bình quân lao động nữ (triệu VNĐ)
I 10	A	Tỷ lệ phần trăm các chất thải thông thường, chất thải rắn công nghiệp được thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng (nếu có)



I 11

A

Tỷ lệ phần trăm nước thải được thu gom, tuần hoàn tái sử dụng (nếu có)

I 12

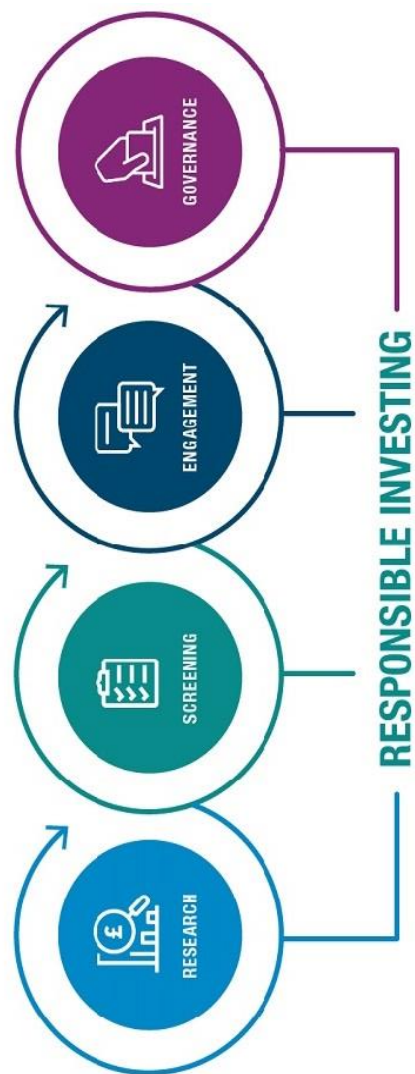
A

Tiết kiệm các nguồn năng lượng tái tạo và không tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính (nếu có)

Là một pháp nhân độc lập, doanh nghiệp có hai mục tiêu cơ bản: tồn tại và phát triển. Giá trị cổ đông không phải là mục tiêu của doanh nghiệp mà nó là thành quả hoạt động của doanh nghiệp đó. Các cổ đông ủy thác cổ phần trong doanh nghiệp cho Hội đồng Quản trị nhưng họ chỉ là một trong những đối tượng mà Hội đồng Quản trị có khả năng cân nhắc khi thay mặt doanh nghiệp đưa ra quyết định

CHỈ SỐ QUẢN TRỊ

Yêu cầu đối với doanh nghiệp



Kế hoạch/Chiến lược kinh doanh phát triển bền vững

G1

M

Kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp có bao gồm các vấn đề xã hội và môi trường

Hướng dẫn: Bên cạnh các mục tiêu tiêu/chỉ tiêu về lợi nhuận, trong chiến lược kinh doanh/kế hoạch kinh doanh, DN đề ra các vấn đề về môi trường, lao động và các vấn đề xã hội mà DN muốn giải quyết/đạt được cùng với lợi nhuận kinh doanh. Điều này tạo nên giá trị thương hiệu, quản trị các rủi ro về môi trường, lao động, xã hội nhằm đảm bảo các giá trị lợi ích kinh tế bền vững. DN nộp các bản sao chiến lược/kế hoạch có bao gồm các mục tiêu môi trường và xã hội.

G2

A

Trong cơ cấu tổ chức doanh nghiệp có bộ phận/cán bộ chuyên trách cho các vấn đề PTBV

Hướng dẫn: Việc có phòng, ban/bộ phận/nhân sự phụ trách về PTBV (một số DN gọi là bộ phận TNXH) là rất cần thiết, thể hiện mong muốn tiến hành các hoạt động PTBV một cách hiệu quả và chuyên nghiệp, phòng ban/bộ phận này có thể chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. DN cần cung cấp sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ phòng ban/bộ phận liên quan tới PTBV

G3

A

Chiến lược kinh doanh được doanh nghiệp xây dựng dựa trên việc thực hiện các mục tiêu SDG cụ thể.

Hướng dẫn: Tháng 9 năm 2015, Việt Nam cùng 192 Quốc gia trên thế giới cùng nhau cam kết thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững (SDG) đến năm 2030, trong đó vai trò của doanh nghiệp thực hiện PTBV được lấy làm trọng tâm. Ở Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 622/QĐ-TTg-2017 về kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030, căn cứ trên 17 SDGs và Kế hoạch hành động này đã có nhiều DN xây dựng chiến lược kinh doanh nhằm giải quyết các SDG cụ thể.

DN có thể tham khảo về SDG và kế hoạch hành động Quốc gia tại địa chỉ:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Quyết-dinh-622-QĐ-TTg-2017-Ke-hoach-hanh-dong-quoc-gia-thuc-hien-Chuong-trinh-nghi-su-2030-348831.aspx>

Các DN đã có chiến lược kinh doanh theo các SDG cụ thể nộp bản sao chứng minh.



Quản trị rủi ro

G4

C

Có chính sách quản trị rủi ro trong hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

Hướng dẫn: chính sách quản lý/quản trị rủi ro bao gồm đầy đủ các bước: xác định, đánh giá, đo lường, quản lý, giám sát & báo cáo cho các rủi ro chính xuất hiện trong sản xuất, kinh doanh của DN cũng như trong chuỗi cung ứng (trong đó có thể có các rủi ro liên quan tới vấn đề giới, lao động trẻ em, các rủi ro - tác động tiêu cực có thể có về môi trường ... và các vấn đề liên quan khác). DN cần cung cấp chính sách/kế hoạch hoặc dẫn chiếu tới các tài liệu có nội dung liên quan (Khi DN áp dụng các hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn thì đã bao gồm nội dung này, không cần cung cấp tài liệu)

G5

A

Xây dựng và thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức, phòng trừ, giảm nhẹ, tái phục hồi trong các trường hợp bất khả kháng trong kinh doanh

Hướng dẫn: DN xây dựng kịch bản, phân công tổ chức, tổ chức tập huấn cho người lao động, phân bổ, dự phòng tài chính (trích lập quỹ dự phòng rủi ro) trong các trường hợp bất khả kháng trong kinh doanh có thể xảy ra như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh. Các chương trình này có thể bao gồm cả các chương trình hỗ trợ cộng đồng tại các khu vực bị ảnh hưởng. DN cung cấp các loại tài liệu/hình ảnh liên quan đến thực tế triển khai của doanh nghiệp (thường niên, định kỳ)

Quản lý mua sắm, nhà cung cấp và chống độc quyền trong sản xuất, kinh doanh

G6

C

Có chính sách/quy định các thủ tục mua sắm hàng hóa, dịch vụ

Hướng dẫn: Các thủ tục mua sắm đấu thầu, lựa chọn nhà cung cấp, quy trình lựa chọn ... cần được doanh nghiệp công khai và chính thức hóa trong các quy định (được văn bản và chính thức hóa của Ban giám đốc) quản lý mua sắm, đấu thầu của doanh nghiệp. Việc đánh giá lựa chọn nhà cung cấp sẽ dựa trên các tiêu chí của từng loại hàng hóa cụ thể cần mua sắm của doanh nghiệp để lựa chọn và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng mỗi lần mua sắm. Các tiêu chí lựa chọn các nhà cung ứng áp dụng công nghệ thân thiện với môi trường cũng là một trong các yếu tố cần đưa vào trong tiêu chí lựa chọn đơn vị cung ứng.



G7

A

Xây dựng, thực hiện quy trình quản lý chuỗi cung ứng bền vững trong kinh doanh

Hướng dẫn: Trong một xã hội biến động không ngừng về các yếu tố địa chính trị, các ảnh hưởng cực đoan của biến đổi khí hậu, đại dịch toàn cầu ...việc đảm bảo duy trì một chuỗi cung ứng cũng như xây dựng thị trường tiêu thụ sản phẩm đa dạng sẽ đảm bảo các yếu tố rủi ro kinh doanh của DN là nhỏ nhất và khả năng tái phục hồi cao nhất. Quy trình quản lý chuỗi cung ứng CẦN thiết phải bao gồm các kế hoạch diễn tập và kinh phí diễn tập thường niên trong toàn bộ chuỗi cung ứng. DN cung cấp văn bản copy tài liệu chứng minh hoạt động này

G8

A

Tham gia các chương trình/sáng kiến chống độc quyền trong sản xuất và kinh doanh

Hướng dẫn: Nhằm đảm bảo cung cấp hàng hóa đạt chất lượng, giá cả cũng như chế độ sau bán hàng, DN NÊN xây dựng các chính sách, hoạt động giám sát quản lý trong việc chống độc quyền kinh doanh. DN xây dựng chính sách cạnh tranh lành mạnh với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường

Đảm bảo sự hài lòng của khách hàng

G9

C

Có chính sách và thực hiện thu thập ý kiến, khảo sát, đánh giá sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm/dịch vụ để thực hiện các cải tiến

Hướng dẫn: DN xây dựng chính sách, chiến lược, hoạt động cũng như các kênh thu thập thông tin phản hồi của khách hàng về chất lượng sản phẩm và dịch vụ của DN, đồng thời có các phản hồi về ý kiến của khách hàng thông qua các kênh truyền thông chính thống của mình. DN cung cấp các hình ảnh và tư liệu chứng minh

G10

C

Xây dựng và thực hiện đúng quy trình xử lý khiếu nại, góp ý của khách hàng

Hướng dẫn: Chỉ số này có quan hệ mật thiết với nội dung của chỉ số G10 ở trên. DN cung cấp bản sao copy chính sách giải quyết khiếu nại tố cáo của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ cũng như cung cấp ví dụ trường hợp giải quyết cụ thể của DN (nếu có)



Chính sách/chương trình đặc thù

G11

C

Có chính sách/chương trình quy hoạch, đào tạo, kèm cặp, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo nữ

Hướng dẫn: Chính sách, chiến lược, kế hoạch hành động quốc gia về bình đẳng giới của Việt Nam đều đã được thông qua và phản ánh vào trong các bộ luật khác nhau (và trong cả luật lao động sửa đổi 2019). Chính vì vậy nhằm xây dựng lực lượng lãnh đạo từ trung cấp trở lên là nữ, DN cần có các quy định thành chính sách và phản ánh trong các kế hoạch quy hoạch, chương trình đào tạo cũng như lịch trình bồi dưỡng bổ nhiệm

G12

A

Có chính sách đa dạng về giới trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

Hướng dẫn: DNp tiến hành đo lường tỷ lệ nam / nữ trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc để từ đó đặt ra các mục tiêu phù hợp nhằm dần tiến tới tỷ lệ cân bằng nam nữ trong dài hạn. DN cung cấp:

- Danh sách và tỷ lệ nam / nữ trong Hội đồng quản trị và ban giám đốc
- Văn bản cam kết về mục tiêu tỷ lệ nam / nữ phù hợp trong ngắn hạn (1-2 năm) để hướng đến mục tiêu đạt được tỷ lệ cân bằng giới trong dài hạn (50/50 hoặc 40/60)
- Bản kế hoạch hành động cụ thể nhằm đạt được tỷ lệ cơ cấu giới trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã đặt ra;
- Biên bản / Email / Văn bản nội bộ thành lập ban chuyên trách chịu trách nhiệm thực hiện các hành động trên (nếu có);
- Báo cáo cập nhật tiến trình và kết quả cho ban lãnh đạo.

G13

M

Có chính sách/quy định sử dụng lao động trong độ tuổi từ 15 đến dưới 18.

Hướng dẫn: Trong một số loại hình công việc do yêu cầu/hoặc được phép sử dụng lao động vị thành niên (từ 15 tuổi đến dưới 18) doanh nghiệp cần có chính sách quy định riêng về việc sử dụng lực lượng lao động này. Đồng thời một trong những điều kiện tiên quyết là việc bố trí sắp xếp công việc phù hợp với sức khỏe và lứa tuổi (đưa rõ thành các điều khoản về vị trí công tác, điều kiện lao động trong hợp đồng lao động)



G14

M

Có chính sách/điều khoản quy định về phòng chống quấy rối, xâm hại tình dục trong công sở

Hướng dẫn: Lần đầu tiên khái niệm/định nghĩa đầy đủ về quấy rối tình dục nơi công sở được đưa vào luật lao động sửa đổi, tuy nhiên đưa luật vào áp dụng ở DN là một công việc đòi hỏi nhiều công sức và sự tham gia từ cấp lãnh đạo đến nhân viên nhằm có thể nhận diện được hành động nào là hành động quấy rối tình dục nơi công sở cũng như xây dựng được chế tài kỷ luật nếu có vi phạm, bên cạnh đó nhằm đảm bảo các thông tin được cung cấp là bảo mật và được giải quyết doanh nghiệp cần duy trì công khai 24/7 số điện thoại tố cáo hotline trên phạm vi toàn DN

G15

A

Có chính sách/quy tắc ứng xử về phòng chống tham nhũng trong kinh doanh (bao gồm cả các quy tắc phòng chống lạm dụng quyền lực và tham nhũng trong nội bộ doanh nghiệp)

Hướng dẫn: Trong các quan hệ kinh doanh doanh và ứng xử trong công tác (bao gồm cả nội bộ và toàn bộ chuỗi cung ứng) cần được mô tả, quy định hình thức quan hệ, quy định về trách nhiệm quyền hạn của cán bộ... cũng như cung cấp các phương tiện nhằm thu thập các thông tin để giải quyết vấn đề. DN cung cấp văn bản copy bộ quy tắc ứng xử của công ty (nếu có)

G16

A

Có chính sách/quy tắc ứng xử về phòng chống buôn bán, tiêu thụ, sử dụng động vật hoang dã và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã

Hướng dẫn: Theo các quy định về luật bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh và luật hình sự sửa đổi cũng đã có các quy định và khung hình phạt rõ ràng cho các hành động này chính vì vậy ban lãnh đạo DN cần thực hiện cam kết, phổ biến các cam kết cũng như không tiếp tay cho toàn bộ lực lượng cán bộ công nhân viên trong DN trong việc sử dụng, buôn bán... các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật hoang dã. Cơ chế/chính sách kỷ luật cũng như các quy định của pháp luật và của DN cần được công khai trên các phương tiện truyền thông của mình. DN cung cấp các ví dụ về phương thức truyền thông và chính sách này.



Truyền thông

G17

M

Xây dựng các hình thức thực hiện công tác truyền thông tới các đối tác và các bên liên quan

Hướng dẫn: Trách nhiệm giải trình trong quá trình kinh doanh của DN đối với các bên liên quan và đối tác cần được doanh nghiệp duy trì đều đặn thường xuyên và trên các kênh/phương tiện chính thức của DN. DN cung cấp địa chỉ, cách truy cập thông tin và cách thức cập nhật thông tin với bên ngoài.

G18

A

Thực hiện lập và công bố báo cáo thường niên có tích hợp các thông tin phi tài chính (các thông tin về môi trường, lao động - xã hội)/báo cáo PTBV

Hướng dẫn: Báo cáo PTBV, báo cáo thường niên có tích hợp là một trong những thông lệ tiên tiến đã và đang được các DN trên toàn cầu sử dụng nhằm cung cấp thông tin thường niên về kết quả kinh doanh cũng như kết quả về môi trường và xã hội. Đối với các DN thực hiện lập báo cáo PTBV/báo cáo phi tài chính cung cấp cho ban tổ chức bản sao những báo cáo này.

Nghiên cứu và phát triển (R&D)

G19

A

Có bộ phận nghiên cứu và phát triển chuyên trách trong cơ cấu tổ chức

Hướng dẫn: Trên thực tế việc cải tiến liên tục quy trình sản xuất, cải tiến, áp dụng các loại vật liệu mới ... cần được DN bố trí trong hệ thống sản xuất. Kinh phí cho nghiên cứu phát triển cũng như hình thức khuyến khích cải tiến cần được DN bố trí rõ ràng trong kế hoạch kinh doanh hàng năm.

G20

M

Có các chương trình/hoạt động xúc tiến thương mại để phát triển thị trường mới

Hướng dẫn: Xây dựng, mở rộng thị trường là một trong những hoạt động đảm bảo quảng bá sản phẩm, dịch vụ của DN, đưa sản phẩm của DN tiếp cận với các đối tượng khách hàng/thị trường mới. Chính vì vậy trong kế hoạch tiếp thị sản phẩm, DN cần có các hoạt động tham gia triển lãm, hội chợ thương mại quốc tế... Doanh nghiệp cung cấp hình ảnh tham dự sự kiện của doanh nghiệp khi tham gia chương trình

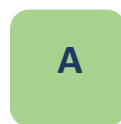


Sáng kiến cải thiện, nâng cao hệ thống quản trị



Có quy trình và thực hiện đánh giá năng lực cán bộ (quản lý từ cấp trung trở lên) thường niên

Hướng dẫn: Các cán bộ quản lý từ cấp trung trở lên cần có đề cương nhiệm vụ rõ ràng/bản mô tả công việc cũng như các chỉ tiêu đo đếm mức độ hoàn thành công tác. DN cung cấp một vài ví dụ quy trình, kết quả đánh giá cán bộ cũng như việc sử dụng kết quả đánh giá hàng năm làm căn cứ để bạt...



Thực hiện cải thiện hệ thống/quy trình quản trị khi có các ý kiến đóng góp thiết thực

Hướng dẫn: Các phản ánh hữu ích của khách hàng/đối tác/bên liên quan về quy trình quản lý của DN sẽ được lấy làm căn cứ để cải thiện hệ thống quản trị của DN trong các cuộc họp Ban giám đốc thường niên. DN cung cấp bằng chứng liên quan (nếu có)



CHỈ SỐ MÔI TRƯỜNG

Các yêu cầu đối với doanh nghiệp

Tuân thủ quy định pháp luật bảo vệ môi trường



Đầy đủ các giấy phép bảo vệ môi trường (còn hiệu lực) của cơ quan chức năng

Hướng dẫn: DN cần cung cấp bản sao giấy phép, phê duyệt liên quan tới BVMT có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, ví dụ:

- Phê duyệt ĐTM, đề án BVMT, bản kế hoạch và cam kết BVMT
- Xả thải nước, khai thác nước dưới đất
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại, hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
- Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

Giấy xác nhận đủ điều kiện về BVMT trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất



Chi trả các loại thuế/phí/lệ phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật

Hướng dẫn: DN cần cung cấp bản sao chứng từ nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định, ví dụ:

- Thuế BVMT
- Phí BVMT đối với nước thải
- Phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp, sinh hoạt
- Ký quỹ khai thác và hoàn nguyên MT sau khi sử dụng, khai thác tài nguyên



Báo cáo đúng, đầy đủ, và kịp thời công tác bảo vệ môi trường của doanh nghiệp tới các cơ quan chức năng

Hướng dẫn: DN cần cung cấp báo cáo, thống kê môi trường tới các bên liên quan theo quy định, cập nhật tới thời điểm nộp hồ sơ CSI 2020, ví dụ:

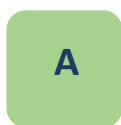
- Quan trắc môi trường, có thể bao gồm đất, nước, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung
- Báo cáo quản lý chất thải nguy hại, chất thải thông thường, chất thải rắn sinh hoạt
- Xả thải nước, sử dụng nước dưới đất
- ...



Tuân thủ việc bảo vệ môi trường trong xuất, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, phế liệu đã qua sử dụng

Hướng dẫn: Đối với DN có sử dụng/nhu cầu như dùng nguyên liệu, phế liệu đã qua sử dụng làm nguyên vật liệu đầu vào cần tham khảo văn bản số 6581/TCHQ-GSQL của Tổng cục Hải quan hướng dẫn Cục Hải quan các tỉnh, thành phố về việc thực hiện Quyết định số 28/2020/QĐ-TTg ngày 24/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Bên cạnh đó khi DN có nhu cầu sử dụng thiết bị/phương tiện/dây chuyền công nghệ cần tuân thủ theo Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng.



Thực hiện các chương trình/biện pháp thu gom sản phẩm/vật liệu đóng gói sản phẩm khi sản phẩm/ vật liệu đóng gói sản phẩm bị thải bỏ

Hướng dẫn: Hạn chế, loại bỏ chất thải rắn, thu gom, tái chế,.. áp dụng các mô hình tuần hoàn vật liệu/chất thải là một trong những quy định mới trong luật môi trường sửa đổi cũng như là cam kết của Việt Nam về việc kiểm soát, xử lý chất thải nhựa ... DN có sử dụng các sản phẩm đóng gói xây dựng và thực hiện thu gom bao bì cho tái chế...DN cung cấp các bằng chứng, hình ảnh liên quan

Sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, quản lý thải hướng tới kinh tế tuần hoàn



Khai thác sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bền vững các nguồn tài nguyên đất, nước, khoáng sản, rừng biển và hệ sinh thái tự nhiên

Hướng dẫn:

- DN cung cấp các chứng chỉ quản lý bền vững như GAP, FSC..cho ban tổ chức (nếu có)
- DN cung cấp tài liệu về kế hoạch và đánh giá việc sử dụng tài nguyên khoáng sản liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh: thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản...
- Hoạt động có thể bao gồm kiểm soát, giám sát môi trường biển, bảo vệ đa dạng sinh học biển và ven bờ. DN cần cung cấp tài liệu/hình ảnh liên quan tới việc bảo vệ tài nguyên môi trường biển, hải đảo có liên quan
- Nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh có thể bao gồm nước mặt, nước ngầm, DN cung cấp tài liệu về kế hoạch và đánh giá việc sử dụng nước hàng năm. DN có thể cung cấp các bằng chứng về sử dụng tuần hoàn nước.





Thực hiện các hoạt động tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm chất thải, phát thải

Hướng dẫn: DN cung cấp nội dung báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có thể bao gồm giấy, bao bì, nguyên liệu đầu vào và vật phẩm phụ trợ khác; thiết kế các sản phẩm thân thiện với môi trường, dễ dàng tái sử dụng, tái chế; nhãn hiệu hàng hóa dịch vụ thân thiện với môi trường đã đăng ký, nâng cao hiệu suất máy móc, trang thiết bị....



Thực hiện tái sử dụng/tái chế các nguyên liệu sản xuất thừa/không đạt yêu cầu ở quá trình sản xuất chính

Hướng dẫn: Tái sử dụng, tái chế là xu thế tất yếu trong quản lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên vì vậy các doanh nghiệp cam kết thực hiện các chương trình không xả thải ra thiên nhiên... nhằm áp dụng các sáng kiến trong việc tái sử dụng, tái chế vật liệu cho quá trình sản xuất. DN cung cấp hình ảnh liên quan (nếu có)



Thực hiện theo dõi, giám sát, quản lý chi phí năng lượng trong sản xuất-kinh doanh.

Hướng dẫn: DN xây dựng và thực hiện chương trình giám sát chi phí năng lượng sản xuất, từ đó thực hiện các chương trình sử dụng năng lượng hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh. DN có thể đã và đang tham gia các sáng kiến như văn phòng xanh, sản xuất xanh... DN thực hiện các hoạt động nêu trên cần nộp các tài liệu có liên quan.



Thực hiện các biện pháp sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất – kinh doanh

Hướng dẫn: DN sử dụng bóng đèn hiệu suất cao thay thế bóng đèn thông thường, có thể có các sáng kiến sử dụng các biện pháp làm mát nhà xưởng nhằm hạn chế sử dụng điện điều hòa...



E11

A

Thực hiện các sáng kiến thay thế nhiên liệu hóa thạch, sử dụng năng lượng tái tạo cho sản xuất – kinh doanh

Hướng dẫn: Với các chính sách khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo cho sản xuất, xu thế hiện tại rất nhiều các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hệ thống điện mặt trời sử dụng song song với điện lưới, một số các doanh nghiệp sử dụng năng lượng sinh khối cho sản xuất...Doanh nghiệp nộp các hình ảnh và bằng chứng liên quan.

E12

A

Có sáng kiến và thực hiện việc tuần hoàn tái sử dụng nước thải

Hướng dẫn: Mặc dù theo các văn bản pháp luật cũng như các tiêu chuẩn hiện hành, chúng ta chưa có tiêu chuẩn cho việc tái/tuần hoàn nước thải. Tuy nhiên đứng trước các thách thức về biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, hạn hán... vấn đề sử dụng nước hiệu quả, tiết kiệm nước, các sáng kiến tuần hoàn nước thải là yêu cầu quan trọng trong vấn đề rủi ro môi trường mà DN cần thực hiện quản trị. DN nộp các tài liệu và hình ảnh liên quan đến các hoạt động này.

E13

A

Đầu tư công nghệ hiện đại lưu trữ, thương mại hóa khí nhà kính

Hướng dẫn: DN cung cấp tài liệu, báo cáo đánh giá việc áp dụng các biện pháp, công nghệ

E14

A

Doanh nghiệp có chương trình/sáng kiến hợp tác để tái chế/tái sử dụng phế thải

Hướng dẫn: DN nộp các tài liệu tóm tắt liên quan đến chương trình/sáng kiến về tái chế/tái sử dụng, các chương trình thu gom bao bì đóng gói...đặc biệt là các chương trình hạn chế rác thải nhựa...



Bảo vệ môi trường, phòng ngừa ô nhiễm, khắc phục sự cố và cải thiện môi trường

E15

M

Có các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung, mùi khó chịu ... đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận

Hướng dẫn: DN cung cấp hình ảnh, bản sao quy trình, cách thức xử lý nước thải. Hồ sơ cần có là bản sao kết quả quan trắc định kỳ và thường niên (năm 2018, 2019, 2020) của cơ quan có đủ năng lực chuyên môn cũng như đủ thẩm quyền)

E16

M

Có các giải pháp giảm thiểu chất thải rắn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường trong sinh hoạt và sản xuất-kinh doanh

Hướng dẫn: DN cần cung cấp tài liệu, hình ảnh liên quan tới việc thu gom, phân loại, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt kèm hợp đồng/giấy phép thu gom, vận chuyển, xử lý

E17

M

Xây dựng và thực hiện đúng quy định, quy trình về thu gom, vận chuyển, xử lý các chất thải rắn trong công nghiệp và chất thải rắn nguy hại

Hướng dẫn: chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại được xác định theo quy định pháp luật Việt Nam, DN cần cung cấp tài liệu, hình ảnh liên quan tới việc thu gom, phân loại, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại kèm hợp đồng/giấy phép thu gom, vận chuyển, xử lý

E18

C

Có hoạt động kiểm soát, giám sát, quan trắc môi trường nước thải, khí thải, bụi theo đúng quy định

Hướng dẫn: DN cần có phương tiện, thiết bị quan trắc môi trường đối với chất lượng nước thải, khí thải, bụi ... số liệu quan trắc cần được ghi chép đầy đủ và thông báo đến các cơ quan chức năng tại địa phương. Trong một số các trường hợp đặc biệt DN được yêu cầu thực hiện quan trắc môi trường 24/24 đồng thời số liệu quan trắc được gửi trực tiếp đến cơ quan chức năng thông qua hệ thống internet

E19

M

Có đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường

Hướng dẫn: DN xây dựng các kịch bản sự cố môi trường, đầu tư các trang thiết bị, vật dụng cần thiết theo các kịch bản đề ra nhằm có thể phản ứng, khắc phục tốt nhất hậu quả nếu có sự cố xảy ra. DN cung cấp các hình ảnh chứng minh

E20

A

Không sử dụng nguyên, nhiên vật liệu sản phẩm, hàng hóa, bao bì, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Hướng dẫn: Hiện tại, tình trạng ô nhiễm rác thải ngày càng trở nên nghiêm trọng. Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia tạo nên tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng này. Hiện đã có rất nhiều các sáng kiến cũng như nỗ lực từ phía DN trong việc thay thế, tái sử dụng, tái chế, sử dụng nguyên liệu sinh học nhằm hạn chế rác thải, chất khó phân hủy... DN cung cấp các hình ảnh về sáng kiến của mình.

E21

M

Doanh nghiệp có biện pháp quản lý, sử dụng, lưu trữ an toàn hóa chất trong sản xuất kinh doanh

Hướng dẫn: Cơ sở sản xuất hoặc kho tàng thuộc các trường hợp sau phải có khoảng cách bảo đảm không có tác động xấu đối với khu dân cư: có chất dễ cháy, dễ nổ; có chất phóng xạ hoặc bức xạ mạnh; có chất độc hại đối với người và sinh vật; gây ô nhiễm nguồn nước

Quản lý, giáo dục, truyền thông về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp

E22

C

Bố trí nhân sự phụ trách công tác bảo vệ môi trường, có trang thiết bị, kinh phí cho bảo vệ môi trường

Hướng dẫn: DN có phát sinh nguồn thải lớn có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường cần thành lập phòng ban, bộ phận, bố trí nhân sự chuyên trách công tác bảo vệ môi trường có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. DN cung cấp các bằng chứng liên quan.

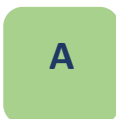
E23

C

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công nhân viên và người lao động về bảo vệ môi trường

Hướng dẫn: DN cần cung cấp chương trình, kế hoạch, hình ảnh, tài liệu liên quan tới hoạt động BVMT, có thể bao gồm khẩu hiệu, pa nô, áp phích, ấn phẩm, tài liệu đào tạo...





Tham vấn ý kiến cộng đồng về tác động môi trường của doanh nghiệp, công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp

Hướng dẫn: DN cung cấp các bản sao biên bản các cuộc họp tham vấn hoặc hình ảnh, phương tiện DN sử dụng việc trong việc công khai các thông tin môi trường của mình.



Có các hoạt động hỗ trợ, giúp đỡ cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường, khắc phục thảm họa thiên tai, sự cố môi trường

Hướng dẫn: DN cung cấp các hình ảnh liên quan đến công tác huấn luyện, kế hoạch ứng phó trong các trường hợp khẩn cấp cũng như hình ảnh liên quan đến công tác diễn tập thường niên cho cộng đồng. Hoạt động này là một trong những hoạt động quan trọng trong vấn đề quản trị các rủi ro thiên tai xảy ra bất thường, nó hỗ trợ cộng đồng ứng phó và tái phục hồi tốt nhất sau thảm họa.



CHỈ SỐ LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Thuật ngữ, các yêu cầu đối với doanh nghiệp

Lao động, việc làm và quản trị nhân sự

L1

M

Tuân thủ các quy định về giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng hợp pháp

Hướng dẫn: Hợp đồng lao động là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động. Người lao động và người sử dụng lao động cần tuân thủ các nội dung có liên quan như loại hợp đồng, nội dung, hiệu lực, thực hiện công việc, chấm dứt hợp đồng lao động, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm...

DN cần cung cấp hợp đồng lao động mỗi loại 01 bản hoặc các tài liệu có liên quan.

L2

M

Tuân thủ các quy định về thử việc

Hướng dẫn: Người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận nội dung thử việc ghi trong hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận về thử việc bằng việc giao kết hợp đồng thử việc. Các quy định về tuân thủ liên quan tới thời gian thử việc, tiền lương thử việc và kết thúc thời gian thử việc.

DN cần cung cấp hợp đồng/thỏa thuận thử việc theo từng chức danh hoặc các tài liệu có liên quan.

L3

M

Xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động

Hướng dẫn: Người sử dụng lao động phải ban hành nội quy lao động, nếu sử dụng từ 10 người lao động trở lên thì nội quy lao động phải bằng văn bản. Nội dung nội quy lao động không được trái với pháp luật về lao động và quy định của pháp luật có liên quan. Người sử dụng lao động sử dụng từ 10 người lao động trở lên phải đăng ký nội quy lao động tại cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động đăng ký kinh doanh.

DN cần cung cấp nội quy lao động và văn bản đăng ký nội quy lao động, giấy tiếp nhận đăng ký nội quy lao động hoặc các tài liệu có liên quan.





Tuân thủ quy định về xử lý vi phạm kỷ luật lao động

Hướng dẫn: Người sử dụng lao động cần tuân theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục, hình thức, thời hạn của việc xử lý vi phạm kỷ luật lao động.

DN cần cung cấp hồ sơ xử lý kỷ luật lao động tại doanh nghiệp quan (nếu có).



Lập sổ quản lý lao động và định kỳ báo cáo sử dụng lao động

Hướng dẫn: Người sử dụng lao động phải lập sổ quản lý lao động ở nơi đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu hoạt động, định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo sử dụng lao động theo quy định.

DN cần cung cấp sổ quản lý lao động, báo cáo sử dụng lao động tương ứng.

Lương, phụ cấp, trợ cấp



Xây dựng và công khai hệ thống định mức lao động, thang bảng lương cho người lao động

Hướng dẫn: Người sử dụng lao động phải xây dựng và công khai thang lương, bảng lương và định mức lao động làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động, thỏa thuận mức lương theo công việc hoặc chức danh ghi trong hợp đồng lao động và trả lương cho người lao động.

DN cần cung cấp thang lương, bảng lương và định mức lao động (nếu có) và các văn bản có liên quan thể hiện việc công khai hệ thống này tại DN.



Xây dựng quy chế trả lương cho người lao động

Hướng dẫn: Quy chế trả lương quy định việc trả lương, trả thưởng, phụ cấp cho từng cá nhân, từng bộ phận nhằm khuyến khích người lao động làm việc, hoàn thành tốt công việc.

DN cần cung cấp quy chế trả lương tại DN.



L8

C

Thực hiện đánh giá năng lượng, năng bậc, phụ cấp, trợ cấp hàng năm cho người lao động

Hướng dẫn: Năng lượng, năng bậc, phụ cấp, trợ cấp được thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc quy định của người sử dụng lao động.

DN cung cấp tài liệu liên quan tới các chính sách và một số quyết định năng lương, năng bậc, phụ cấp, trợ cấp đã thực hiện tại DN.

L9

M

Chi trả tiền lương, tiền công đầy đủ và đúng hạn

Hướng dẫn: Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động, không được can thiệp và quyền tự quyết chi tiêu lương của người lao động.

DN cung cấp một số phiếu lương, tài liệu liên quan tới việc chi trả lương tại DN.

L10

A

Thực hiện các hình thức khen thưởng, các chế độ khuyến khích người lao động

Hướng dẫn: Quy chế khen thưởng, chế độ khuyến khích là những quy chế, quy định của một cơ quan, doanh nghiệp, có thể bao gồm khen thưởng những ngày lễ, thưởng thâm niên, thưởng chuyên cần, thưởng tiết kiệm, thưởng đạt chất lượng, thưởng năng suất, thưởng sáng kiến...

DN cần cung cấp quy chế và các tài liệu liên quan tới khen thưởng, khuyến khích người lao động tại DN.

L11

M

Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đúng mức quy định (đóng theo tiền lương thực lĩnh)

Hướng dẫn: Người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đúng và đủ theo quy định.

DN cần cung cấp kết quả đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp kỳ gần nhất trước khi nộp hồ sơ tham dự Chương trình.

L12

M

Chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm theo đúng quy

Hướng dẫn: Trợ cấp thôi việc và trợ cấp mất việc làm đều là những khoản tiền mà người lao động được nhận khi nghỉ việc, tùy thuộc vào từng trường hợp mà người lao động sẽ được hưởng một trong hai loại trợ cấp này.

DN cần cung cấp các tài liệu liên quan tới việc chi trả nêu trên trong kỳ đánh giá của Chương trình (nếu có)



Các chế độ phúc lợi

L13

A

Có chế độ bảo hiểm tự nguyện cho người lao động

Hướng dẫn: Chế độ bảo hiểm tự nguyện là phúc lợi của DN dành cho người lao động và/hoặc gia đình người lao động, có thể bao gồm bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tai nạn... Nội dung phúc lợi này thường được đề cập trong thỏa ước lao động tập thể.

DN thực hiện cần cung cấp danh sách, hợp đồng mua bảo hiểm tự nguyện.

L14

A

Xây dựng ký túc xá hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở cho người lao động

Hướng dẫn: Việc xây dựng ký túc xá, hỗ trợ tiền thuê nhà nhằm mục đích chăm lo tốt nhất cho tốt nhất cho người lao động xa quê. Người lao động trong ký túc xá đều được sử dụng nước sạch, các khu nhà tắm và khu vệ sinh sạch sẽ. Nội dung phúc lợi này thường được đề cập trong thỏa ước lao động tập thể.

DN cần cung cấp hình ảnh, tài liệu liên quan tới trang bị ký túc xá; quy chế, chứng từ chi trả hỗ trợ cho người lao động thuê nhà (nếu có).

L15

A

Hỗ trợ tiền/phương tiện đi làm việc, tiền ăn trưa, tiền may quần áo... cho người lao động

Hướng dẫn: Tùy thuộc vào tiềm năng tài chính, kết quả kinh doanh mà “trị giá vật chất” của mỗi khoản phúc lợi nêu trên khác nhau trong các DN. Nội dung phúc lợi này thường được đề cập trong thỏa ước lao động tập thể.

DN cần cung cấp quy chế, tài liệu có liên quan tới việc thực hiện tại DN (nếu có).

L16

A

Có các chế độ cho con của người lao động (xây dựng nhà trẻ, hỗ trợ kinh phí nuôi con, gửi trẻ, quà tặng thành tích học tập...)

Hướng dẫn: Đây là trách nhiệm của người sử dụng lao động trong nội dung bình đẳng giới

DN cần cung cấp quy chế, tài liệu có liên quan tới việc thực hiện tại doanh nghiệp (nếu có)



L17

C

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người lao động

Hướng dẫn: Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao là hình thức phúc lợi tập thể khá phổ biến ở các DN. Thông qua các hoạt động mang tính tập thể đó sẽ tăng cường giao lưu, kết nối người lao động; chia sẻ những giá trị chung của DN và góp phần hình thành văn hóa của mỗi DN.

DN cần cung cấp các thông báo, hình ảnh liên quan tới các hoạt động nêu trên (nếu có)

L18

C

Có chế độ thăm quan nghỉ ngơi thường niên cho người lao động

Hướng dẫn: Tham quan, du lịch, nghỉ mát là hình thức phúc lợi tập thể khá phổ biến ở các doanh nghiệp. Thông qua các hoạt động mang tính tập thể đó sẽ tăng cường giao lưu, kết nối người lao động; chia sẻ những giá trị chung của doanh nghiệp và góp phần hình thành văn hóa của mỗi doanh nghiệp.

Doanh nghiệp cần cung cấp tài liệu, thông báo, hình ảnh liên quan tới hoạt động nêu trên (nếu có).

Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

L19

M

Tuân thủ về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi cho người lao động

Hướng dẫn: Thời giờ làm việc bình thường, thời giờ nghỉ ngơi được đề cập rõ ràng trong hợp đồng lao động, nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể, cần lưu ý những quy định mới có liên quan tới lao động nam, lao động nữ thuộc nội dung bình đẳng giới. Trong thời kỳ Covid 19, DN có thể có những quy định mới về chế độ làm việc (như làm việc từ xa, thời giờ làm việc linh hoạt...) nhằm đảm bảo an toàn phòng tránh dịch cũng như hiệu quả công việc.

DN cần cung cấp một vài hợp đồng lao động, nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy chế hoặc các văn bản khác có liên quan tới nội dung này.

L20

M

Tuân thủ việc trả lương thêm giờ, làm ca đêm và làm việc vào ngày lễ, ngày nghỉ cho người lao động

Hướng dẫn: Giờ làm việc ban đêm được tính từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau. Người lao động làm việc ngoài những thời gian được xác định là thời giờ làm việc bình thường theo quy định pháp luật, thỏa ước lao động tập thể hoặc theo nội quy lao động được tính là làm thêm giờ và phải đáp ứng các quy định có liên quan (được sự đồng ý của người lao động, số giờ làm thêm trong một ngày, một tháng, một năm...)

DN cần cung cấp quy chế trả lương, bảng thanh toán lương làm thêm giờ, làm ca đêm, làm việc vào ngày nghỉ ngày lễ (nếu có).



Sức khỏe, an toàn vệ sinh lao động và vệ sinh thực phẩm

L21

M

Khám sức khỏe định kỳ cho đủ số người lao động

Hướng dẫn: Hàng năm, người sử dụng lao động phải tổ chức khám sức khỏe ít nhất một lần cho người lao động; đối với người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động là người khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe ít nhất 06 tháng một lần.. Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động đối với DN sẽ có lợi thế tối ưu là bảo vệ được “nguồn vốn nhân lực” của mình, tạo ra sợi dây gắn kết giữa người lao động và DN, từ đó nâng cao năng suất làm việc, giảm thiểu tai nạn lao động và các bệnh nghề nghiệp. Việc quản lý, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động phải được thực hiện từ thời điểm người lao động được tuyển dụng và trong suốt quá trình làm việc.

DN cần cung cấp hợp đồng và báo cáo tổng hợp kết quả khám sức khỏe hàng năm.

L22

A

Thực hiện khám chuyên khoa cho người lao động

Hướng dẫn: Thực hiện khám sức khỏe chuyên khoa trước đây chỉ thường được DN áp dụng cho lao động nữ, tuy nhiên theo các quy định của bình đẳng giới, các cam kết tiến bộ ... doanh nghiệp cần thực hiện việc khám sức khỏe chuyên khoa cho cả lao động nam và nữ.

Doanh nghiệp cần cung cấp nội dung hợp đồng khám sức khỏe chuyên khoa của doanh nghiệp với các cơ sở, đơn vị y tế.

L23

C

Bố trí bộ phận, cán bộ làm công tác y tế (chuyên trách/bán chuyên trách) hoặc có hợp đồng chăm sóc sức khỏe với cơ sở y tế

Hướng dẫn: DN tùy theo quy mô, ngành nghề phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu của bộ phận y tế. Đối với DN không bố trí được người làm công tác y tế hoặc không thành lập được bộ phận y tế theo quy định cần phải ký hợp đồng với cơ sở khám chữa bệnh có đủ năng lực đáp ứng

DN cần cung cấp tài liệu, hình ảnh liên quan tới bộ phận y tế, quyết định thành lập, phân công nhiệm vụ tại doanh nghiệp hoặc hợp đồng với cơ sở y tế.



L24

M

Bố trí số lượng nhà vệ sinh phù hợp theo giới

Hướng dẫn: DN cung cấp đủ nhà vệ sinh sạch sẽ theo số lượng lao động, các khu vệ sinh phải riêng biệt cho lao động nam và lao động nữ.

DN cần cung cấp hình ảnh, sơ đồ bố trí.

L25

A

Kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm bếp ăn cho người

Hướng dẫn: Đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm từ cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, người trực tiếp chế biến; đủ sổ sách ghi chép chế độ kiểm thực, dụng cụ lưu mẫu thức ăn, tủ bảo quản. DN thuê đơn vị bên ngoài cung cấp thì đơn vị này cần có giấy chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm.

DN cần cung cấp hình ảnh bếp ăn, hợp đồng cung cấp dịch vụ và các tài liệu liên quan tới an toàn thực phẩm bếp ăn tập thể.

L26

M

Ban hành quy định, quy trình đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động

Hướng dẫn: An toàn lao động là giải pháp phòng, chống tác động của các yếu tố nguy hiểm nhằm bảo đảm không xảy ra thương tật, tử vong đối với con người trong quá trình lao động. Vệ sinh lao động là giải pháp phòng, chống tác động của yếu tố có hại gây bệnh tật, làm suy giảm sức khỏe cho con người trong quá trình lao động. Người sử dụng lao động có trách nhiệm thực hiện đầy đủ giải pháp nhằm đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc, người lao động có trách nhiệm chấp hành quy định, nội quy, quy trình, yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

DN cần cung cấp quy trình làm việc; kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hàng năm (biện pháp đảm bảo an toàn, đảm bảo sức khỏe, cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động, chăm sóc sức khỏe và phòng chống bệnh nghề nghiệp).

L27

C

Bố trí bộ phận, cán bộ làm công tác an toàn lao động

Hướng dẫn: Người sử dụng lao động tổ chức phòng, ban hoặc cử cán bộ làm công tác an toàn lao động (kiêm nhiệm hoặc chuyên trách) đảm bảo mức tối thiểu theo quy định. Mạng lưới an toàn vệ sinh viên tại doanh nghiệp được thành lập theo thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và ban chấp hành công đoàn.

DN cần cung cấp tài liệu liên quan tới quyết định thành lập, phân công nhiệm vụ của bộ phận, cán bộ làm công tác an toàn lao động.



L28

M

Thực hiện việc kiểm định theo định kỳ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

Hướng dẫn: Đây là hoạt động kiểm tra, thử nghiệm, phân tích của đơn vị kiểm định theo qui trình kiểm định nhằm đánh giá tình trạng an toàn của các loại thiết bị theo quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật. Danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đã được quy định cụ thể.

Doanh nghiệp cần cung cấp kết quả kiểm định có liên quan.

L29

M

Xây dựng và thực hiện quy trình vận hành máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn

Hướng dẫn: Tại khu vực lắp đặt các máy thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải treo nội quy, các quy định về vận hành máy an toàn, xử lý sự cố khẩn cấp. Người vận hành phải được huấn luyện, sát hạch và được cấp chứng chỉ, có thể an toàn lao động.

DN cần cung cấp quy hình ảnh, tài liệu quy trình vận hành máy móc, thiết bị.

L30

M

Thường xuyên đánh giá rủi ro có biện pháp kiểm soát rủi ro mất an toàn tại nơi làm việc

Hướng dẫn: Đối với các DN sản xuất, kinh doanh, hoạt động trong mọi ngành nghề, lĩnh vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đều phải thực hiện đánh giá rủi ro trong an toàn lao động. Đây là việc đầu tiên cần làm để có thể kiểm soát được các mối nguy hại, nguy hiểm và đảm bảo an toàn trong lao động tại nơi làm việc, qua đó đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.

DN cần cung cấp báo cáo đánh giá rủi ro hàng năm.

L31

M

Có phương án/quy trình xử lý sự cố mất an toàn, nguy hiểm tại nơi làm việc

Hướng dẫn: Căn cứ vào nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, bệnh tật tại nơi làm việc và quy định pháp luật, người sử dụng lao động phải xây dựng phương án/quy trình xử lý sự cố mất an toàn, nguy hiểm tại nơi làm việc.

DN cần cung cấp quy trình/kế hoạch xử lý sự cố tại DN.



L32

M

Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động

Hướng dẫn: Người sử dụng lao động cần phải trang cấp đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân khi làm công việc có yếu tố nguy hiểm, có hại; trang bị các thiết bị an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

DN cần cung cấp hình ảnh, danh mục cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân, trang thiết bị an toàn.

L33

M

Thống kê, phân loại lao động thực hiện các công việc nặng nhọc, độc hại, lao động có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động

Hướng dẫn: Theo quy định có 42 danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 32 nhóm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

DN cần cung cấp tài liệu tổng hợp phân loại lao động tại DN.

L34

M

Thực hiện huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động và sử dụng lao động

Hướng dẫn: Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động là yêu cầu bắt buộc các doanh nghiệp phải thực hiện. Trong quá trình lao động sản xuất, việc đảm bảo an toàn vệ sinh lao động là việc làm hết sức quan trọng. Đảm bảo an toàn lao động, tránh gây tổn hao sức khỏe, tính mạng của người lao động và tài sản của doanh nghiệp, góp phần vào việc đảm bảo tính thông suốt trong hoạt động sản xuất. Do đó, để đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho các cấp quản lý, người lao động và đội ngũ nhân viên chuyên trách là việc cần thiết phải làm đối với mỗi doanh nghiệp.

DN cần cung cấp hợp đồng huấn luyện, báo cáo kết quả huấn luyện tại của DN.

L35

M

Thực hiện quan trắc môi trường lao động hàng năm

Hướng dẫn: Quan trắc môi trường lao động là hoạt động thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc để có biện pháp giảm thiểu tác hại đối với sức khỏe, phòng, chống bệnh nghề nghiệp. Người sử dụng lao động về phải bảo đảm nơi làm việc đạt yêu cầu về không gian, độ thoáng, các yếu tố có hại theo quy định pháp luật trong các cơ sở lao động. Người sử dụng lao động phải tổ chức đánh giá, kiểm soát các yếu tố có hại để đề ra các biện pháp kỹ thuật vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

DN cần cung cấp kết quả quan trắc môi trường lao động hàng năm.



Giáo dục và đào tạo

L36

M

Thực hiện đào tạo nghề, tập nghề cho người lao động mới được tuyển dụng

Hướng dẫn: Học nghề để làm việc cho người sử dụng lao động là việc người sử dụng lao động tuyển người vào để đào tạo nghề nghiệp tại nơi làm việc. Tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động là việc người sử dụng lao động tuyển người vào để hướng dẫn thực hành công việc, tập làm nghề theo vị trí việc làm tại nơi làm việc. Người sử dụng lao động có thể lợi dụng quá trình này để yêu cầu người học nghề, tập nghề lao động thực sự mà không trả lương hoặc trả lương dưới mức quy định; không “thay máu lao động” ở thông qua việc tuyển người học nghề hoặc giao kết hợp đồng thử việc.

DN cần cung cấp hồ sơ đào tạo nghề, tập nghề tại DN.

L37

C

Thực hiện đánh giá định kỳ hiệu quả công việc và phát triển nghề nghiệp của người lao động

Hướng dẫn: Đánh giá định kỳ (1 tháng, 1 quý, 6 tháng, 1 năm...) thực hiện công việc nhằm các mục đích đánh giá thực hiện công việc trong quá khứ nhằm nâng cao hiệu quả công việc trong tương lai, xác định nhu cầu đào tạo và phát triển nhân viên, đánh giá năng lực tiềm tàng và khả năng thăng tiến trong tương lai của nhân viên, làm cơ sở xác định mức lương, tạo động lực cho người lao động thông qua việc công nhận đúng mức thành tích của họ, giúp họ gắn bó với DN.

DN cần cung cấp báo cáo đánh giá định kỳ tương ứng tại DN.

L38

C

Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp và kỹ năng nghề cho người lao động nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng các chỉ tiêu chiến lược trong môi trường luôn thay đổi

Hướng dẫn: Người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch hằng năm và dành kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động đang làm việc cho mình; đào tạo cho người lao động trước khi chuyển làm nghề khác cho mình. Cần quan tâm tới sự cân bằng về giới trong nhóm người lao động được tham gia đào tạo, phát triển nghề nghiệp và kỹ năng nghề. Trong xu hướng chuyển sang nền kinh tế số, bối cảnh Covid 19, người lao động càng cần phải được đào tạo, nâng cao kỹ năng để thích ứng với bối cảnh mới.

DN cần cung cấp kế hoạch, hồ sơ đào tạo, phát triển nghề nghiệp và kỹ năng nghề cho người lao động hàng năm.



Công đoàn, thỏa ước lao động tập thể

L39

C

Thành lập tổ chức công đoàn cơ sở hoặc tổ chức đại diện người lao động

Hướng dẫn: Người lao động có quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn. Người lao động trong doanh nghiệp cũng có quyền thành lập, gia nhập và tham gia hoạt động của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp. Đây là một tổ chức rất mới, độc lập với tổ chức công đoàn cơ sở truyền thống. Cả công đoàn và các tổ chức đại diện người lao động khác tại doanh nghiệp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động. Cần lưu ý Công đoàn là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và người lao động, còn tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp được xác định là tổ chức xã hội đơn thuần, chỉ làm chức năng đại diện bảo vệ quyền hợp pháp, lợi ích chính đáng của người lao động trong phạm vi quan hệ lao động.

DN cần cung cấp quyết định thành lập, danh sách ban chấp hành công đoàn cơ sở, tổ chức đại diện cho người lao động.

L40

C

Tổ chức thương lượng tập thể theo đúng quy định

Hướng dẫn: Thương lượng tập thể nhằm xác lập điều kiện lao động, quy định về mối quan hệ giữa các bên và xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định. Thương lượng tập thể được tiến hành theo nguyên tắc tự nguyện, hợp tác, thiện chí, bình đẳng, công khai và minh bạch, đảm bảo về quy trình, nội dung, quyền và đại diện của các bên.

DN cần cung cấp hồ sơ thương lượng tập thể gần nhất tại DN.

L41

C

Nội dung của thỏa ước lao động tập thể không trái với quy định của pháp luật và có lợi hơn cho người lao động

Hướng dẫn: Thỏa ước lao động tập thể là thỏa thuận đạt được giữa tập thể lao động và người sử dụng lao động về các điều kiện lao động thông qua thương lượng tập thể và được các bên ký kết bằng văn bản, không được trái với quy định của pháp luật; khuyến khích có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

DN cần cung cấp thỏa ước lao động tập thể còn hiệu lực.



Thực hiện quy chế dân chủ tại nơi làm việc, trao đổi, xử lý thông tin, giải quyết tranh chấp lao động

L42

C

Xây dựng và công khai quy chế dân chủ tại nơi làm việc

Hướng dẫn: Quy chế dân chủ tại nơi làm việc là những quy định về quyền và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động và tổ chức công đoàn với các nội dung người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định, kiểm tra giám sát và các hình thức thực hiện dân chủ cơ sở. Việc thực hiện quy chế dân chủ tại nơi làm việc phải dựa trên các nguyên tắc: thiện chí, hợp tác, trung thực, bình đẳng, công khai và minh bạch; tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên; không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Người sử dụng lao động có trách nhiệm ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc để thực hiện các nội dung quy định về đối thoại tại nơi làm việc và thực hiện dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Quy chế dân chủ tại nơi làm việc phải được phổ biến tới người lao động.

DN cần cung cấp quy chế dân chủ tại nơi làm việc đã được ban hành.

L43

C

Tổ chức đối thoại tại nơi làm việc

Hướng dẫn: Đối thoại tại nơi làm việc là một trong những hình thức thực hiện quy chế dân chủ tại nơi làm việc, là việc chia sẻ thông tin, tham khảo, thảo luận, trao đổi ý kiến giữa người sử dụng lao động với người lao động hoặc tổ chức đại diện người lao động về những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích và mối quan tâm của các bên tại nơi làm việc nhằm tăng cường sự hiểu biết, hợp tác, cùng nỗ lực hướng tới giải pháp các bên cùng có lợi. Đối thoại tại nơi làm việc cần đảm bảo trách nhiệm, số lượng, thành phần tham gia, nội dung, hình thức. Cần phân biệt rõ bản chất của đối thoại và hội nghị người lao động.

DN cần cung cấp hình ảnh, biên bản đối thoại tại doanh nghiệp.

L44

C

Tổ chức hội nghị người lao động thường niên

Hướng dẫn: Hội nghị người lao động do người sử dụng lao động phối hợp với tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở (nếu có) và nhóm đại diện đối thoại của người lao động (nếu có) tổ chức hằng năm theo hình thức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu. Hình thức tổ chức hội nghị, nội dung, thành phần tham gia, thời gian, địa điểm, quy trình, trách nhiệm tổ chức thực hiện và hình thức phổ biến kết quả hội nghị người lao động thực hiện theo quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Cần phân biệt rõ bản chất của đối thoại và hội nghị người lao động.

DN cần cung cấp hình ảnh tổ chức, nghị quyết của hội nghị người lao động



L45

A

Định kỳ đánh giá sự hài lòng của người lao động đối với chính sách và hoạt động của doanh nghiệp

Hướng dẫn: Nguồn nhân lực luôn được coi là nhân tố quan trọng, cốt lõi, để giúp DN tồn tại và phát triển. Khi đã có được sự hài lòng đối với công việc, người lao động sẽ có động lực làm việc tích cực hơn, từ đó dẫn đến hiệu suất và hiệu quả công việc cao hơn. Nội dung đánh giá có thể bao gồm: tính chất công việc, thu nhập, phúc lợi và khen thưởng, môi trường và điều kiện làm việc, cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp, quan hệ với đồng nghiệp và lãnh đạo, chính sách quản trị và định hướng tương lai của doanh nghiệp.

DN cần cung cấp báo cáo đánh giá định kỳ tại DN.

L46

M

Xây dựng và thực hiện cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả trong doanh nghiệp

Hướng dẫn: Trao đổi thông tin nói lên tính 2 chiều, gồm thông báo và nhận lại phản hồi. Hầu hết trong DN trao đổi thông tin chỉ dừng lại ở thông báo mà chưa có cơ chế rõ ràng trong việc nhận lại các phản hồi. Hiệu quả trao đổi thông tin cần đảm bảo rõ ràng, ngắn gọn, liên tục và gắn kết. Các hình thức trao đổi thông tin có thể bao gồm: đường dây nóng; email/bản tin email; bảng tin; radio; công cụ giao tiếp trực tuyến; mạng xã hội nội bộ...

DN cần cung cấp các hình ảnh, tài liệu liên quan tới các hình thức trao đổi thông tin đang sử dụng tại DN.

L47

C

Giải quyết tranh chấp lao động theo đúng trình tự pháp luật quy định

Hướng dẫn: Tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ lao động; tranh chấp giữa các tổ chức đại diện người lao động với nhau; tranh chấp phát sinh từ quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động. Cần giải quyết đúng nguyên tắc và trình tự các tranh chấp lao động cá nhân hoặc tập thể.

DN cần cung cấp một vài hồ sơ, tài liệu giải quyết tranh chấp lao động thành công tại DN.



Lao động nữ, lao động đặc thù, không phân biệt đối xử, không cưỡng bức lao động

L48

C

Tuân thủ quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới

Hướng dẫn: Bình đẳng giới là xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế – xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Trong DN những quy định riêng với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới được thể hiện ở việc tạo chống bạo lực và quấy rối tình dục; điều kiện cho lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng chế độ làm việc theo thời gian linh hoạt; đảm bảo bình đẳng và truyền thông trong và ngoài doanh nghiệp liên quan tới tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương và các chế độ khác; không phân biệt giới tính trong lựa chọn, bổ nhiệm, thăng chức; tham khảo lao động nữ hoặc đại diện của lao động nữ khi quyết định những vấn đề liên quan tới lợi ích của phụ nữ; bảo vệ quyền lợi thai sản.

DN cần cung cấp các quy định, quy chế lao động liên quan tới chế độ, thời gian làm việc cho lao động nữ; tuyển dụng, đào tạo, truyền thông, quy chế lương; biên bản họp, khảo sát ý kiến đến quyền và lợi ích lao động nữ; quy định phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc và trình tự, thủ tục xử lý... và các tài liệu, hình ảnh có liên quan khác.

L49

M

Tuân thủ quy định đối với lao động chưa thành niên

Hướng dẫn: Lao động chưa thành niên là lao động chưa đủ 18 tuổi. Khi sử dụng lao động chưa thành niên cần đảm bảo các nguyên tắc liên quan tới lao động, sức khỏe, học tập, thời giờ làm việc, công việc và nơi làm việc.

DN cần cung cấp chính sách, hồ sơ, tài liệu liên quan tới việc sử dụng lao động chưa thành niên tại DN.

L50

A

Sử dụng người lao động cao tuổi phù hợp với sức khỏe, đảm bảo quyền lao động và hiệu quả nguồn nhân lực

Hướng dẫn: DN sử dụng người lao động cao tuổi có thể giao kết nhiều hợp đồng xác định thời hạn, hưởng các chế độ và quyền lợi, bố trí công việc phù hợp và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc sức khỏe tại nơi làm việc.

DN cần cung cấp chính sách, hồ sơ, tài liệu liên quan tới việc sử dụng lao động cao tuổi tại doanh nghiệp.



L51

A

Tạo việc làm, nhận người lao động là người khuyết tật, lao động thuộc diện chính sách, lao động địa phương và lao động dân tộc thiểu số...

Hướng dẫn: Lao động thuộc nhóm trên hoàn toàn được bình đẳng khi tham gia học nghề, hỗ trợ tạo việc làm.

DN cần cung cấp chính sách, hồ sơ, tài liệu liên quan tới việc tiếp nhận, tạo việc làm, phát triển nghề nghiệp cho người lao động thuộc nhóm nêu trên.

L52

A

Tạo điều kiện cho sinh viên thực tập tại doanh nghiệp

Hướng dẫn: Thực tập tại DN giúp sinh viên quan sát, tiếp cận thực tế sản xuất; rèn luyện, trau dồi những kỹ năng mềm; học hỏi, rèn luyện phong cách làm việc, ứng xử; cơ hội tốt nâng cao giá trị bản thân để giới thiệu với nhà tuyển dụng.

DN vui lòng cung cấp chính sách, quyết định nhận sinh viên thực tập tại DN.

L53

M

Không phân biệt đối xử (vùng miền, giới tính, tôn giáo, tuổi tác, lối sống, HIV/AIDS...)

Hướng dẫn: Phân biệt đối xử trong lao động là hành vi phân biệt, loại trừ hoặc ưu tiên dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia hoặc nguồn gốc xã hội, dân tộc, giới tính, độ tuổi, tình trạng thai sản, tình trạng hôn nhân, tôn giáo, tín ngưỡng, chính kiến, khuyết tật, trách nhiệm gia đình hoặc trên cơ sở tình trạng nhiễm HIV hoặc vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn, tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp có tác động làm ảnh hưởng đến bình đẳng về cơ hội việc làm hoặc nghề nghiệp.

DN cần cung cấp văn bản, tài liệu, quy định về chống phân biệt đối xử tại DN.

L54

M

Không cưỡng bức lao động thông qua các hình thức như giữ giấy tờ tùy thân, bằng cấp, đặt cọc, đe dọa sa thải, làm thêm giờ mà không được sự đồng ý của người lao động...

Hướng dẫn: Cưỡng bức lao động là việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc các thủ đoạn khác để ép buộc người lao động phải làm việc trái ý muốn của họ.

DN cần cung cấp văn bản, tài liệu, quy định về không cưỡng bức lao động tại DN.



Quan hệ với khách hàng, cộng đồng và xã hội

S1

M

Tuân thủ các yêu cầu về tiếp thị và nhãn hiệu sản phẩm/dịch vụ

Hướng dẫn: Yêu cầu về tiếp thị và nhãn hiệu sản phẩm/dịch vụ bao gồm quyền của khách hàng tiếp cận thông tin đầy đủ và chính xác về các tác động tích cực và tiêu cực về mặt kinh tế, môi trường và xã hội của sản phẩm. Các khía cạnh trên bao gồm: nguồn cung cấp thành phần sản phẩm/dịch vụ, các nội dung liên quan tới các chất có thể gây tác động về mặt môi trường hoặc xã hội, sử dụng an toàn sản phẩm/dịch vụ, tác động khi thải bỏ... Việc tuân thủ này giúp khách hàng đưa ra những lựa chọn chính xác cho sản phẩm/dịch vụ.

DN cần cung cấp hình ảnh, tài liệu quy định về tiếp thị và nhãn hiệu của các sản phẩm/dịch vụ của doanh nghiệp.

S2

M

Kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm/dịch vụ nhằm đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người tiêu dùng, đặc biệt là trẻ em

Hướng dẫn: Đánh giá chất lượng sản phẩm/dịch vụ bao gồm những nỗ lực nhằm giải quyết những vấn đề sức khỏe và an toàn trong suốt vòng đời của sản phẩm hoặc dịch vụ. Việc đánh giá này cũng nhằm để cải tiến từng giai đoạn vòng đời sản phẩm hoặc dịch vụ (nghiên cứu và phát triển, chứng nhận, gia công và sản xuất, tiếp thị và quảng bá, lưu trữ, phân phối, cung cấp, sử dụng và dịch vụ, xử lý, tái sử dụng, tái chế).

DN cần cung cấp báo cáo đánh giá hoặc tài liệu có liên quan tới việc kiểm tra đánh giá này.

S3

M

Thực hiện quyền bảo mật thông tin của khách hàng trong quá trình thu thập, lưu trữ, xử lý và sử dụng

Hướng dẫn: DN cần thu thập dữ liệu bằng phương tiện hợp pháp và minh bạch về cách thu thập, sử dụng đảm bảo an toàn cho dữ liệu; không tiết lộ hoặc sử dụng thông tin khách hàng cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài những mục đích đã thỏa thuận và thông báo cho khách hàng trong các biện pháp hoặc chính sách bảo vệ dữ liệu.

DN cần cung cấp văn bản quy định hoặc báo cáo về bảo mật dữ liệu khách hàng của DN.



S4

A

Thực hiện các sáng kiến/chương trình cứu trợ đồng bào tại các khu vực bị thiên tai, dịch bệnh

Hướng dẫn: Đây là một trong những nội dung của việc xã hội hóa từ thiện, cứu trợ, góp phần lan tỏa tấm lòng nhân ái rộng khắp trong toàn xã hội.

DN cần cung cấp hình ảnh, nội dung các sáng kiến/chương trình mà DN thực hiện.

S5

A

Tham gia các chương trình/hoạt động hỗ trợ, phát triển cộng đồng địa phương; hỗ trợ các mô hình kinh doanh cùng người có thu nhập thấp

Hướng dẫn: Phát triển cộng đồng địa phương là các chương trình/hoạt động giải quyết một số vấn đề khó khăn (giảm nghèo, phát triển cơ sở hạ tầng, tiếp cận khoa học kỹ thuật, trang bị kiến thức – kỹ thuật, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ - siêu nhỏ, phát triển miền núi – vùng sâu – vùng xa...), đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, hướng tới sự phát triển không ngừng về đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

DN cần cung cấp tên, nội dung, báo cáo, hình ảnh các chương trình/hoạt động DN thực hiện.

S6

A

Tham gia các sáng kiến cải thiện môi trường kinh doanh

Hướng dẫn: Cải thiện môi trường kinh doanh bao gồm các quy định pháp luật và thực thi pháp luật trong kinh doanh và cạnh tranh, vấn đề cải cách tư pháp cải cách hành chính công; phòng, chống tham nhũng; ổn định kinh tế vĩ mô, tiếp cận nguồn lực và thị trường; phát triển DN và khởi nghiệp; an ninh và an toàn; sẵn sàng với nền sản xuất mới trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp lần thứ 4...

DN cần cung cấp tên, nội dung, báo cáo việc tham gia các sáng kiến của DN.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC YÊU CẦU PHÁP LUẬT CƠ BẢN



I. Khái niệm/định nghĩa chung về PTBV doanh nghiệp

Phát triển bền vững nghiệp doanh nghiệp: Thực hiện kinh doanh đáp ứng các nhu cầu của hiện tại dựa trên việc không thỏa hiệp với các khả năng có thể gây ảnh hưởng đến nhu cầu tương lai

Nguồn: WBCSD (www.wbcsd.org)

II. Phát triển bền vững doanh nghiệp ở Việt Nam

Là một trong những thị trường trẻ trên thế giới các quy định đều được phản ánh vào luật nên phát triển bền vững doanh nghiệp ở Việt Nam là thực hiện kinh doanh tuân thủ pháp luật, đảm bảo trách nhiệm giải trình với các bên liên quan cũng như tích cực tham gia các sáng kiến chung về môi trường và xã hội.

III. Khái niệm/định nghĩa Quản trị doanh nghiệp

Quản trị doanh nghiệp là hệ thống các quy tắc, chính sách mà thông qua đó doanh nghiệp được chỉ đạo thực hiện sản xuất kinh doanh cũng như giám sát quá trình thực thi.

IV. Khái niệm về đối tác và các bên liên quan

Bên liên quan: Tất cả các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì được gọi là các bên liên quan

Đối tác: Là các tổ chức, các trường đại học, các viện nghiên cứu... có các hoạt động hợp tác bình đẳng để cùng giải quyết một vấn đề nào đó và các tổ chức này không chịu chi phối trực tiếp bởi các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

V. Vấn đề trọng yếu của doanh nghiệp là gì

Trong phát triển bền vững nói chung, “vấn đề trọng yếu” của doanh nghiệp là hàng loạt các vấn đề được đánh giá là quan trọng của doanh nghiệp trong việc phản ánh tác động kinh tế, môi trường và xã hội của doanh nghiệp. Tác động có thể hiểu ở khía cạnh tích cực hoặc tiêu cực hoặc ảnh hưởng đến quyết định của các bên liên quan.

VI. Các tài liệu cơ bản cần có trong hệ thống quản trị

Văn bản chiến lược/kế hoạch phát triển doanh nghiệp còn giá trị pháp lý

Biên bản họp với các bên liên quan trong quá trình xây dựng chiến lược/kế hoạch phát triển

Báo cáo bền vững/báo cáo tích hợp (nếu có)

Danh sách/địa chỉ các phương thức doanh nghiệp sử dụng trong truyền thông nội bộ cũng như bên ngoài

Văn bản/ chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp

Hình ảnh sản phẩm, hình ảnh mà các thông tin liên quan đến sản phẩm/dịch vụ được công bố công khai

Báo cáo tổng kết hoạt động các năm 2018-2019-2020

Báo cáo tài chính 3 năm – **Khuyến khích báo cáo tài chính đã có kiểm toán**

Các quyết định phân công/bổ nhiệm cùng các chức năng nhiệm vụ của các vị trí lãnh đạo chủ chốt trong doanh nghiệp

Chính sách mua sắm/đấu thầu của doanh nghiệp

Một vài hợp đồng mua sắm tiêu biểu trong 3 năm

Chính sách/biên bản/hình ảnh của doanh nghiệp liên quan đến các hoạt động làm chính trong kinh doanh

Hình ảnh/tư liệu các hoạt động nổi bật của doanh nghiệp trong 3 năm



VII. Các thủ tục pháp luật cơ bản về môi trường mà doanh nghiệp buộc phải tuân thủ

Văn bản kế hoạch bảo vệ môi trường
Báo cáo đánh giá tác động môi trường ĐTM (EIA)
Đề án bảo vệ môi trường đơn giản/chi tiết được phê duyệt
Hợp đồng xử lý chất thải sinh hoạt của doanh nghiệp trong các năm
Hợp đồng xử lý chất thải công nghiệp
Đăng ký sổ nguồn thải, hợp đồng xử lý và báo cáo quản lý chất thải nguy hại
Giấy phép, báo cáo khai thác nước ngầm
Giấy phép xả thải
Báo cáo xả thải
Báo cáo thực hiện công tác bảo vệ môi trường hàng năm
Báo cáo sử dụng nguyên/nhiên liệu hàng năm
Báo cáo sử dụng điện/nước/năng lượng sử dụng hàng năm
Báo cáo tập huấn về môi trường hàng năm
Hình ảnh các chương trình truyền thông về môi trường
Các tài liệu liên quan đến các nghiên cứu/chương trình đã được thực hiện nhằm giảm thiểu tác động môi trường.
Hình ảnh các công trình xử lý môi trường trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận của doanh nghiệp

VIII. Các thủ tục pháp luật cơ bản về lao động và xã hội

Báo cáo tình hình sử dụng lao động hàng năm

Sổ quản lý lao động

Thang lương, bảng lương, tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật, chức danh, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, định mức lao động đã được đăng ký với cơ quan chuyên môn

Chứng từ nộp bảo hiểm xã hội, y tế và các loại bảo hiểm bắt buộc khác tương ứng với số lao động trong diện phải nộp bảo hiểm

Nội quy lao động được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền

Các loại hợp đồng lao động đã ký với người lao động

Quy chế dân chủ cơ sở và quy chế đối thoại định kỳ của doanh nghiệp

Thỏa ước lao động tập thể đã được ký kết và đăng ký với cơ quan có chức năng

Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo giải trình nhu cầu sử dụng lao động, các tài liệu liên quan đến việc cấp giấy phép lao động (trong trường hợp doanh nghiệp sử dụng lao động nước ngoài)

Các tài liệu liên quan đến thành lập công đoàn cơ sở hoặc tổ chức đại diện người lao động tại doanh nghiệp

Báo cáo định kỳ tình hình tai nạn lao động, báo cáo sự cố kỹ thuật gây mất an toàn vệ sinh lao động

Báo cáo định kỳ hàng năm về công tác vệ sinh an toàn lao động

Sổ theo dõi về tai nạn lao động chết người hoặc bị thương nặng từ 02 người trở lên

Sổ theo dõi, phiếu kiểm định các loại thiết bị, vật tư có yêu cầu quản lý nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động

Sổ theo dõi bồi thường bằng hiện vật cho người lao động làm việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại

Kế hoạch, ngân sách, hình ảnh thực hiện các khóa huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động cho người lao động trong các năm

Kế hoạch/hình ảnh triển khai tập huấn nâng cao tay nghề cho người lao động

Hợp đồng với cơ sở y tế/hình ảnh /hồ sơ khám sức khỏe định kỳ và điều trị bệnh nghề nghiệp (nếu có) của người lao động trong năm

Hồ sơ quản lý sức khỏe người lao động, hồ sơ vệ sinh lao động

Định mức/sổ cấp phát/hình ảnh cấp phát các thiết bị an toàn vệ sinh lao động cho người lao động

Nội quy an toàn lao động

Chương trình/hình ảnh thực hiện tháng an toàn vệ sinh lao động hàng năm

Hình ảnh/tư liệu các chương trình từ thiện/các hoạt động xã hội của doanh nghiệp



Quy chế quản lý nhân sự

Chính sách lao động nữ

Hình ảnh/tư liệu các sáng kiến được thực hiện



PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN XÉT DUYỆT GIẢI THƯỞNG PHỤ DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Chỉ số	Nội dung chính	Hướng dẫn	Tài liệu chứng minh
Thông tin chung	Số cán bộ lãnh đạo nữ là lãnh đạo cao cấp	Thông kê số cán bộ lãnh đạo nữ là lãnh đạo cao cấp	Công ty nộp sơ đồ tổ chức và Danh sách Ban giám đốc/Ban Tổng Giám đốc, (những người báo cáo trực tiếp cho CEO), phân chia theo giới (Nam/nữ/khác)
G11	Chính sách/chương trình quy hoạch, đào tạo, kèm cặp, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo nữ	Doanh nghiệp có chính sách/chương trình quy hoạch, đào tạo, kèm cặp, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo nữ với mục đích nâng cao kỹ năng chuyên môn của cán bộ nữ sau thời gian quy hoạch, đào tạo, kèm cặp hoặc với mục đích tạo cơ hội thăng tiến cho cán bộ nữ	Doanh nghiệp cung cấp nội dung chi tiết của chính sách / chương trình quy hoạch: - thời gian, - đối tượng, - nội dung của các khóa đào tạo, - danh sách nhân viên nữ thực tế tham gia chương trình, - danh sách thống kê có bao nhiêu nhân viên sau khi tham gia chương trình được thăng tiến lên vị trí cao hơn
G12	Có Chính sách đa dạng giới trong Hội đồng quản trị và ban giám đốc	Doanh nghiệp tiên hành đo lường tỷ lệ nam / nữ trong Hội đồng quản trị và ban giám đốc để từ đó đặt ra các mục tiêu phù hợp nhằm dần tiến tới tỷ lệ cân bằng nam nữ trong dài hạn.	Doanh nghiệp cung cấp: - Danh sách và tỷ lệ nam / nữ trong Hội đồng quản trị và ban giám đốc - Văn bản, tuyên ngôn về mục tiêu tỷ lệ nam / nữ phù hợp trong ngắn hạn (1-2 năm) để hướng đến mục tiêu đạt được tỷ lệ cân bằng giới trong dài hạn (50/50 hoặc 40/60)
		Doanh nghiệp đặt ra các hành động cụ thể nhằm thực hiện mục tiêu trên và có thành lập ban chuyên trách chịu trách nhiệm thực hiện các hành động trên và báo cáo tiến trình và kết quả cho ban lãnh đạo	Doanh nghiệp cung cấp: - Bản kế hoạch hành động cụ thể nhằm đạt được tỷ lệ cơ cấu giới trong Hội đồng quản trị và ban giám đốc đã đặt ra ở trên - Biên bản / Email / Văn bản nội bộ thành lập ban chuyên trách chịu trách nhiệm thực hiện các hành động trên và

			- báo cáo cập nhật tiến trình và kết quả cho ban lãnh đạo.
L38	Xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp và kỹ năng nghề cho người lao động nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng các chỉ tiêu chiến lược trong môi trường luôn thay đổi	Có sự cân bằng về giới trong nhóm đối tượng được tham gia các chương trình đào tạo phát triển nghề nghiệp và kỹ năng nghề cho người lao động	Doanh nghiệp cung cấp: - Danh sách các học viên tham gia các chương trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp và kỹ năng nghề phân theo bộ phận làm việc, cấp bậc, giới tính - Danh sách học viên đã tham gia (có chữ ký của giảng viên và học viên) - Hình ảnh/video/bài báo... liên quan tới các khóa đào tạo/tập huấn
		Kế hoạch và nội dung chương trình đào tạo, phát triển nghề nghiệp và kỹ năng nghề cho người lao động được truyền thông rộng rãi tới toàn bộ người lao động trong doanh nghiệp	Doanh nghiệp cung cấp: - Kế hoạch truyền thông nội bộ/đại chúng - Sản phẩm truyền thông: poster, bài post trên FB, trên mạng nội bộ/website của Doanh nghiệp, trên các kênh media khác (nếu có) - Hình ảnh/bài viết/video... về hoạt động truyền thông nếu tiến hành hội thảo, talkshow...
L48	Tuân thủ quy định riêng đối với lao động nữ và bảo đảm bình đẳng giới	Khuyến khích người sử dụng lao động tạo điều kiện để lao động nữ có việc làm thường xuyên, áp dụng rộng rãi chế độ làm việc theo thời gian biểu linh hoạt, làm việc không trọn thời gian, giao việc làm tại nhà	Doanh nghiệp cung cấp: - Quy định, quy chế áp dụng làm việc linh hoạt, đặc biệt cho lao động nữ - Danh sách lao động nữ đã đăng ký làm việc linh hoạt
		Bảo đảm thực hiện bình đẳng giới và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương và các chế độ khác. Doanh nghiệp có các chính sách/chương trình đề cập cụ thể đến việc không phân biệt giới tính trong quá trình	Doanh nghiệp cung cấp các tài liệu liên quan sau: - Tuyển dụng: - Nội dung tuyển dụng sử dụng các ngôn ngữ không phân biệt hoặc ưu tiên một giới tính, - Cung cấp Các thông tin đăng tuyển dụng nội bộ và bên ngoài sử dụng các ngôn ngữ không phân biệt hoặc ưu tiên một giới tính, có ghi rõ câu “không phân biệt giới tính”.

		tuyển dụng, lựa chọn, bổ nhiệm và thăng chức Doanh nghiệp cần đẩy mạnh truyền thông nội bộ và bên ngoài về việc không phân biệt giới tính trong quá trình tuyển dụng, lựa chọn, bổ nhiệm và thăng chức	- Số lượng lao động được tuyển dụng có phân tách theo giới tính - Đào tạo, kèm cặp chuyên môn - Kế hoạch đào tạo, kèm cặp chuyên môn - Danh sách đề cử được đào tạo/kèm cặp chuyên môn có phân tách theo giới tính - Quy trình / chính sách đào tạo, kèm cặp, bổ nhiệm và thăng chức có ghi rõ “không phân biệt giới tính” - Doanh nghiệp cung cấp: - các ví dụ truyền thông nội bộ và bên ngoài có cụm từ “không phân biệt giới” - Trong các clip truyền thông về tuyển dụng, lựa chọn, bổ nhiệm và thăng chức cần sử dụng hình ảnh của cả 2 giới - Tiền lương: - Quy định của doanh nghiệp có ghi rõ chính sách lương và các lợi ích khác (tính bằng tiền) không phân biệt giới tính - Bất kỳ đánh giá bình đẳng về lương thưởng dựa trên phân tích số liệu lương thưởng thực tế đã thực hiện tại doanh nghiệp - Các cải thiện, điều chỉnh sau khi đánh giá bình đẳng lương thưởng - Chương trình truyền thông về chính sách lương thưởng hoặc về kết quả đánh giá bình đẳng lương thưởng tới: (i) toàn bộ người lao động; (iii) các cán bộ quản lý cấp trung trở lên
		Tham khảo ý kiến của lao động nữ hoặc đại diện của họ khi quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của phụ nữ.	Doanh nghiệp cung cấp ít nhất một trong số các tài liệu sau: - Biên bản các cuộc họp thảo luận về các vấn đề liên quan tới quyền và lợi ích của lao động nữ - Hình ảnh/video/tư liệu liên quan tới các cuộc họp/thảo luận

			- Bảng hỏi khảo sát/Kết quả khảo sát ý kiến về các vấn đề liên quan tới quyền/lợi ích của lao động nữ
		Giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho lao động nữ	Doanh nghiệp cung cấp ít nhất một trong số các tài liệu sau: - Danh sách người được nhận hỗ trợ gửi trẻ (có chữ ký của người lao động) - Hợp đồng/Biên bản hợp tác hoặc bất kỳ văn bản nào chứng minh sự phối kết hợp của doanh nghiệp với trường mẫu giáo/nhà trẻ tổ chức trông giữ con em cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ của doanh nghiệp. - Hình ảnh các khu vực nhà trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức hỗ trợ cho người lao động của doanh nghiệp
		Các quy định liên quan tới bảo vệ quyền lợi thai sản cho lao động nữ	Doanh nghiệp cung cấp: Quy chế lao động/Nội quy lao động đã được điều chỉnh, cập nhật các quy định trong điều 155-160)
L53	Không phân biệt đối xử (vùng miền, giới tính, tôn giáo, tuổi tác, lối sống, HIV/AIDS ...)	Có chính sách và/hoặc chiến lược về chống quấy rối và phân biệt đối xử trên cơ sở giới, quấy rối và bắt nạt tình dục với quy trình chính thức để thực hiện	Doanh nghiệp cung cấp tài liệu ghi rõ không khoan dung với hành vi quấy rối và phân biệt đối xử trên cơ sở giới, quấy rối và bắt nạt tình dục
		Có chính sách chính thức về việc chống quấy rối và phân biệt đối xử trên cơ sở giới; chống mọi hình thức quấy rối và bắt nạt tình dục	Doanh nghiệp cung cấp: - Quy định ghi rõ doanh nghiệp nghiêm cấm các hành vi quấy rối và phân biệt đối xử trên cơ sở giới; chống mọi hình thức quấy rối và bắt nạt tình dục
		Có bộ trí nguồn lực (nhân sự/tài chính) xử lý khiếu nại tố cáo liên quan đến chống quấy rối và phân biệt đối xử trên cơ sở giới, quấy rối và bắt nạt tình dục	Doanh nghiệp cung cấp kế hoạch, tài liệu chứng minh có phân bổ nhân sự/tài chính để thực hiện yêu cầu này
		Có bộ trí phòng/chuyên gia tư vấn tâm lý, hỗ trợ các	Doanh nghiệp cung cấp: tóm tắt thông tin về trường hợp xảy ra và cách xử lý/tư

		trường hợp bị quấy rối, bắt nạt trên cơ sở giới/quấy rối tình dục	vấn tâm lý, danh sách người tư vấn và người được tư vấn (<i>thông tin cá nhân chi tiết sẽ được giữ bảo mật</i>)
		Cung cấp các hướng dẫn về cách giải quyết hành vi của người lao động là thủ phạm của quấy rối và bắt nạt dựa trên cơ sở giới	Doanh nghiệp cung cấp các hướng dẫn ghi rõ cách thức giải quyết với từng trường hợp cụ thể
		Có quy trình chính thức xử lý các vấn đề liên quan tới quấy rối và bắt nạt tình dục	Doanh nghiệp cung cấp ít nhất một trong số các quy trình sau: (i) các thủ tục khiếu nại (ii) các thủ tục giải quyết (iii) các biện pháp giải trình trách nhiệm (iv) các cơ chế chống trả đũa

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN XÉT DUYỆT GIẢI THƯỞNG PHỤ DOANH NGHIỆP TÔN TRỌNG VÀ THÚC ĐẨY QUYỀN TRẺ EM TRONG KINH DOANH

Chỉ số	Nội dung	Hướng dẫn	Tài Liệu Bổ sung và chứng minh
Hồ sơ doanh nghiệp	Thông tin Lao động - Xã Hội: Số lao động vị thành niên (nếu có) - là lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi trong 3 năm 2018, 2019, 2020	Cung cấp số lượng lao động vị thành niên (lao động cố định/tạm thời/thời vụ/lao động hợp đồng) độ tuổi từ 15 đến dưới 18 những người được phép làm việc hợp pháp với những điều kiện lao động được bảo vệ tại nơi làm việc. (Bộ Luật Lao động sửa đổi, Công ước Tổ chức Lao động quốc tế ILO số 138, 182)	Cung cấp danh sách những lao động vị thành niên được tuyển cùng vị trí làm việc của họ trong 3 năm 2018, 2019, 2020
G4 (C),	G4 - Có chính sách quản lý rủi ro trong hoạt động có liên quan đến sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp	Lồng ghép các cân nhắc về Quyền trẻ em trong các đánh giá rủi ro và tác động về Quyền Con người, cũng như đánh giá các rủi ro và tác động liên quan khác của doanh nghiệp. Doanh nghiệp nên xem xét các rủi ro liên quan đến các nhà thầu phụ và chuỗi cung ứng của mình. <i>Tài liệu tham khảo: Các hướng dẫn cho công ty: Quyền trẻ em trong Đánh giá tác động của UNICEF và Viện Quyền Con người Đan Mạch</i>	- Có chính sách nêu ra những mối nguy hại, tác động liên quan đến quyền trẻ em trong kinh doanh. - Có thể cung cấp báo cáo đánh giá rủi ro và ảnh hưởng của doanh nghiệp có đề cập nội dung này.
G5 (A)	Xây dựng, thực hiện các chương trình nâng cao nhận thức, phòng trừ, giảm nhẹ, tái phục hồi trong các trường hợp bất khả kháng trong kinh doanh	Xây dựng kịch bản, phân công người chịu trách nhiệm, tập huấn cho người lao động, phân bổ nguồn lực và tài chính cho các trường hợp bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, v.v... Trong đó bao gồm các can thiệp và hoạt động nhằm giảm thiểu tối đa các tác động với lao động trẻ và trẻ em.	Cung cấp kế hoạch giảm thiểu, kế hoạch chuẩn bị sẵn sàng hàng năm cùng với chi tiết các giải pháp ứng phó với trường hợp bất khả kháng trong đó cho thấy được rõ các giải pháp bảo vệ lao động trẻ và trẻ em khỏi các tác động của những trường hợp này.
G13 (M)	G13 – Có chính sách quy định sử dụng lao	Những chính sách hoặc hướng dẫn của doanh nghiệp để bảo vệ lao động trẻ phù hợp với các	- Chính sách/Hướng dẫn/Sổ tay nhân sự/Bộ Quy tắc ứng xử với các tham khảo



	động trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi	điều khoản tương ứng của bộ Luật Lao động sửa đổi bao gồm: - Độ tuổi lao động tối thiểu - Quy trình tuyển dụng bao gồm xác minh tuổi - Quy định về các điều kiện và hỗ trợ những việc làm phù hợp - Ghi rõ với những quy định không khoan nhượng với các hành vi quấy rối và bóc lột lao động trẻ, và các biện pháp để bảo vệ trẻ khỏi bị bóc lột, phân biệt đối xử và lạm dụng - Mô tả cam kết của doanh nghiệp trong việc cung cấp cho lao động trẻ cơ hội tiếp cận giáo dục, cơ hội đào tạo và kỹ năng sống Doanh nghiệp được khuyến khích đưa các điều khoản về bảo vệ trẻ em vào các thỏa thuận và hợp đồng với nhà thầu phụ và đối tác. <i>Tài liệu tham khảo cho doanh nghiệp: Quyền trẻ em trong Chính sách và Quy tắc ứng xử của UNICEF và Save the Children</i>	liên quan đến bộ luật Lao động sửa đổi 2019, Công ước ILO số 138, 182 về độ tuổi lao động tối thiểu, nghiêm cấm và hành động kịp thời đối với các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, các điều kiện làm việc mà trẻ vị thành niên có thể làm trong điều kiện được bảo vệ. - Bản sao mẫu hợp đồng lao động có ghi rõ công việc, điều kiện làm việc và hỗ trợ phù hợp cho lao động trẻ. Bản sao mẫu hợp đồng hay thỏa thuận với nhà thầu phụ và đối tác về những điều khoản liên quan đến bảo vệ lao động trẻ (nếu có)
G14 (M)	Có chính sách/quy tắc ứng xử về phòng chống quấy rối tình dục nơi công sở	Đảm bảo có các chính sách và quy định liên quan đến phòng chống quấy rối lạm dụng tình dục tại công sở bao gồm chính sách không khoan nhượng với bạo lực, việc quấy rối và bóc lột và lạm dụng lao động trẻ và trẻ em. Bao gồm nhưng không giới hạn ở quấy rối và lạm dụng tình dục trẻ em (Ghi rõ trong Bộ	- Bộ Quy tắc ứng xử của doanh nghiệp với các điều khoản liên quan áp dụng cho người lao động - Mẫu hợp đồng/thỏa thuận với nhà cung cấp, đối tác kinh doanh với các điều khoản liên quan - Danh sách những tập huấn cho quản lý, người lao động về chính sách không

		Luật Lao động sửa đổi và luật trẻ em). Các chính sách nên bao gồm các điều khoản việc hạn chế sử dụng tài sản của doanh nghiệp để mua hình ảnh trẻ em trên Internet, lạm dụng tình dục khi du lịch Truyền thông các chính sách/điều khoản về vấn đề này cho nhân viên mới hoặc chia sẻ lại trong doanh nghiệp theo định kỳ Có cơ chế xác định, báo cáo xử lý sự cố qua đường dây nóng/email/ để xử lý, điều tra và phản hồi khiếu nại Doanh nghiệp được khuyến khích thực hiện chính sách/quy tắc ứng xử bảo vệ trẻ em và nếu có liên quan đến các nhà thầu phụ hoặc đối tác kinh doanh như một điều kiện trong kinh doanh. <i>Tài liệu tham khảo cho doanh nghiệp:</i> - <i>Quyền trẻ em trong Chính sách và Quy tắc ứng xử, UNICEF và Save the Children</i> <i>Bộ công cụ dành cho doanh nghiệp nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ em, UNICEF</i>	khoan nhượng với bao lực, bóc lột và quấy rối trẻ em - Cơ chế xác định, tiếp nhận xử lý các trường hợp xảy ra như đường dây nóng/ email, người phụ trách tiếp nhận, xử lý điều tra và phản hồi.
E15 (M), E16 (M) E17 (M) E18 (C)	E15 – Có các công trình, biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung, mùi khó chịu ... đáp ứng yêu cầu bảo vệ	Trẻ em là đối tượng dễ chịu tổn thương hơn từ rủi ro về chất thải môi trường so với người lớn, bởi các em còn nhỏ, vẫn giai đoạn phát triển thể chất, còn tò mò và thiếu các kiến thức về các mối nguy hại tồn tại trong môi trường sống.	- Tài liệu, chứng nhận, báo cáo định kỳ về cách mà doanh nghiệp quản lý và đáp ứng các quy định, yêu cầu về môi trường - Tài liệu cơ chế xử lý các ảnh hưởng liên quan đến sức khỏe cộng đồng trong đó có trẻ em và phụ nữ

	môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận E16 – Có giải pháp giảm thiểu chất thải rắn, thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải rắn trong sinh hoạt và sản xuất kinh doanh E17 – Xây dựng và thực hiện đúng quy định, quy trình về thu gom, vận chuyển chất thải rắn trong công nghiệp và chất thải rắn nguy hại E18 – Có hoạt động kiểm soát, giám sát, quan trắc môi trường nước thải, khí thải, bụi theo đúng quy định	Các chính sách môi trường và xử dụng các tài nguyên cần hướng đến các môi nguy hại tiềm ẩn và tác động thực tiễn đến trẻ em và phụ nữ mang thai. Doanh nghiệp cần có quy trình nhận diện, đánh giá, giám sát các rủi ro hoặc ảnh hưởng từ vấn đề môi trường đến sức khỏe và an toàn của cộng đồng bao gồm trẻ em, phụ nữ mang thai. <i>Tài liệu tham khảo: Quyền trẻ em trong Đánh giá tác động của UNICEF và Viện Quyền Con người Đan Mạch</i>	mang thai với các trường hợp xự cố ngoài ý muốn xảy ra - Danh sách những người phụ trách về tuân thủ môi trường - Bộ công cụ và quy trình đảm bảo sự tuân thủ
E24 (A)	Tham vấn ý kiến cộng đồng về tác động môi trường của doanh nghiệp, công khai thông tin môi trường của doanh nghiệp	Trẻ em là một đối tác quan trọng của doanh nghiệp (là con em người lao động, lao động trẻ, khách hàng, thành viên của cộng đồng), doanh nghiệp cần nhận diện trẻ em là nhóm đặc thù. Kêu gọi sự tham gia của nhóm liên quan đến trẻ em như cha mẹ, người giám hộ, giáo viên, lao động trẻ, các tổ chức thanh niên và trẻ em, cơ quan nhà nước làm về trẻ em có thể giúp doanh nghiệp hiểu rõ những tác động lên trẻ em nếu có.	- Danh sách nhóm đối tác liên quan đến trẻ em nếu có khi tham gia vào lấy tham vấn ý kiến cộng đồng - Ví dụ biên bản cuộc họp tham vấn có sự tham gia nhóm đối tác liên quan nói trên - Ví dụ về thông tin công khai gửi cho các chuyên gia về trẻ em. - Cơ chế phản hồi: ➢ Đường dây nóng và chức danh

		Doanh nghiệp có tham vấn đại diện trẻ em là một phần tham vấn cộng đồng và công khai thông tin, Có cơ chế phản hồi tiếp nhận, xử lý, điều tra và phản hồi những ý kiến liên quan đến rủi ro hoặc ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh lên trẻ em <i>Tài liệu tham khảo:</i> - <i>Bộ công cụ về tham vấn các đối tác liên quan đến trẻ em, UNICEF</i> <i>Tài liệu thảo luận về cơ chế khiếu nại trong tổ chức phù hợp với trẻ em, UNICEF</i>	người quản lý đường dây nóng ➤ Website, kênh truyền thông xã hội của doanh nghiệp kèm thông tin liên hệ ➤ Danh sách phản hồi liên quan đến quyền trẻ em từ tham vấn cộng đồng và có thể được xử lý
L16 (A)	Có các chế độ cho con của người lao động (xây dựng nhà trẻ, hỗ trợ kinh phí nuôi con, gửi trẻ, quà tặng thành tích học tập	Các chế độ cho con của doanh nghiệp có thể bao gồm các mô hình sau: - Nhà trẻ trong khuôn viên hoặc gần nơi làm việc - Thuê chỗ tại các cơ sở bên ngoài hoặc hợp tác với các doanh nghiệp khác để cùng cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ - Hợp tác với chính quyền địa phương về dịch vụ trông trẻ - Hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ tại nơi làm việc (phòng vắt trữ sữa,) - Trợ cấp nuôi con nhỏ cho nhân viên - Chương trình tập huấn kỹ năng làm cha mẹ - Thời gian làm việc linh hoạt cho người lao động chăm sóc con nhỏ - Chế độ thai sản, nghỉ sinh con, chế độ nghỉ phép cho cha mẹ	- Báo cáo hoặc tài liệu với các thông tin, số liệu, hình ảnh về dịch vụ hỗ trợ chăm sóc nuôi con tại nơi làm việc, cụ thể như nơi giữ trẻ, số lao động được hưởng lợi từ dịch vụ, đầu tư của doanh nghiệp là bao nhiêu,... - Các chính sách nhân sự có các điều khoản quy định về phụ cấp nuôi con nhỏ cho người lao động có con dưới 6 tuổi - Bảng chứng cụ thể về những con em lao động nhận được trợ cấp (danh sách trợ cấp) - Hình ảnh của nhà trẻ cho con em công nhân - Hình ảnh các sự kiện cho con em người lao động như ngày lễ thiếu nhi, trao học bổng cho con em người lao động có thành tích cao trong học tập, v.v...

		- Học bổng cho con em người lao động <i>Tài liệu tham khảo:</i> - <i>Sổ tay cho doanh nghiệp: Các chính sách thân thiện với gia đình, UNICEF</i> <i>Chăm sóc trẻ em: Lợi ích kinh tế cho doanh nghiệp hỗ trợ người lao động chăm sóc trẻ em tại Việt Nam, IFC</i>	- Chương trình kèm hình ảnh về các buổi tập huấn cho người lao động về kỹ năng làm cha mẹ (nếu có)
--	--	---	--